

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Thanh Xuân
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG – 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN
BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI TUẤN HÙNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Thị Thanh Xuân
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Lê Thị Nam Phương**

HẢI PHÒNG – 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Thanh Xuân

Mã SV: 1113401051

Lớp: QTL502K

Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty
Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tuấn Hùng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 19 tháng 06 năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN.	3
1.1. Tổng quát về vốn bằng tiền:.....	3
1.1.1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền:	3
1.1.2. Đặc điểm, nhiệm vụ vốn bằng tiền, nguyên tắc hạch toán:	3
1.1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền.	5
1.2. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền:.....	6
1.2.1. Luân chuyển chứng từ:.....	6
1.2.2. Hạch toán tiền mặt tại quỹ.	7
1.2.3 Nguyên tắc hạch toán.	9
1.2.4 Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.	12
1.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng (TGNH).....	22
1.3.1 Tài khoản sử dụng.....	22
1.3.2 Chứng từ sử dụng	23
1.3.3 Nguyên tắc hạch toán	23
1.3.4 Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.	24
1.4 Kế toán tiền đang chuyển.....	34
1.4.1 TK sử dụng.....	34
1.4.2 Chứng từ sử dụng	34
1.4.3 Nguyên tắc hạch toán	35
1.4.4 Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu	35
CHƯƠNG 2 : TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TUẤN HÙNG.	38
2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TUẤN HÙNG	38
2.1.1.Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng	38
2.1.2- Chức năng nhiệm vụ từng phòng ban:.....	39
2.1.3- Đặc điểm kinh doanh của công ty:	40
2.1. 4- Quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	40
2.1.5 Thuận lợi, khó khăn và thành tích công ty đạt được trong những năm qua.	41

2.2 - ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TUẤN HÙNG	42
2.2.1. Cơ cấu bộ máy kế toán tại công ty.....	42
2.2.2. Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán.....	43
2.3. TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TUẤN HÙNG.....	46
2.3.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng.	46
2.3.1.1. TK sử dụng.....	46
2.3.1.2 Các chứng từ và sổ sách công ty sử dụng trong kế toán tiền mặt.....	46
2.3.1.3 Quy trình luân chuyển chứng từ.....	47
2.3.1.4 Kế toán chi tiết một số nghiệp vụ :	48
2.3.2. Kế toán TGNH tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng.....	64
2.3.2.1. Tài khoản sử dụng:.....	64
2.3.2.2 các chứng từ và sổ sách Công ty sử dụng trong kế toán TGNH:.....	64
2.3.2.3 Quy trình luân chuyển chứng từ:	64
2.3.3. Các nghiệp vụ tăng tiền gửi ngân hàng.....	76
CHƯƠNG III MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI TUẤN HÙNG.....	81
3.1. Đánh giá chung về tình hình tổ chức quản lý kinh doanh, tổ chức kế toán nói chung cũng như công tác kế toán bằng tiền nói riêng tại công ty Tuấn Hùng. ..	81
3.1.1. Tình hình tổ chức quản lý kinh doanh, tổ chức kế toán vốn bằng tiền mặt tại công ty.	81
3.1.2. Ưu điểm và nhược điểm của công tác kế toán vốn bằng tiền mặt tại công ty	82
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng.....	85
3.2.1 Hoàn thiện về hệ thống sổ sách.....	85
3.2.2 Hoàn thiện việc hạn chế chi tiêu tiền mặt, tăng chi tiêu tiền gửi NH.	89
3.2.3 Hoàn thiện việc đưa tài khoản 113 – tiền đang chuyển vào hạch toán.....	89
3.2.4 Hoàn thiện việc đưa ngoại tệ vào hạch toán	89
3.2.5 Hoàn thiện việc ứng dụng tin học trong công tác kế toán	90
KẾT LUẬN	92

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp thực hiện và hoàn thành quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của các doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác, kế toán là công cụ để điều hành quản lý các hoạt động tính toán kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong công tác kế toán của doanh nghiệp chia ra làm nhiều khâu, nhiều phần hành nhưng giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ gắn bó tạo thành một hệ thống quản lý thực sự có hiệu quả cao. Thông tin kế toán là những thông tin về tính hai mặt của mỗi hiện tượng mỗi quá trình : Vốn và nguồn, tăng và giảm ... Mỗi thông tin thu được là kết quả của quá trình có tính hai mặt : thông tin và kiểm tra.

Do đó, việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ , qua đó chúng ta biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

Thực tế ở nước ta trong thời gian qua cho thấy ở các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nói chung và vốn bằng tiền nói chung là rất thấp, chưa khai thác hết hiệu quả tiềm năng sử dụng chúng trong nền kinh tế thị trường để phục vụ sản xuất kinh doanh, công tác hạch toán bị buông lỏng kéo dài.

Sau thời gian thực tập tại Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng với sự giúp đỡ tận tình của cô Lê Thị Nam Phương và bộ phận kế toán công ty em đã đi sâu vào tìm hiểu công tác kế toán vốn bằng tiền và chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là: **“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng”**.

Ngoài phần mở đầu và kết luận báo cáo gồm 3 phần:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán kế toán vốn bằng tiền.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng.

Chương 3: Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng.

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN.

1.1. Tổng quát về vốn bằng tiền:

1.1.1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền là toàn bộ các hình thức tiền tệ hiện thực do đơn vị sở hữu, tồn tại dưới hình thái giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là một loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có và sử dụng.

Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc do ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Ngoại tệ: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như các đồng: Đô la Mỹ (USD), bảng Anh (GBP), phrang Pháp (FFr), Yên Nhật (JPI), đô la Hồng Kông (HKD), mác Đức (DM)...
- Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: Là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải mục đích thanh toán trong kinh doanh.
- Nếu phân loại theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm.
 - Tiền mặt tại quỹ: Gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, bạc vàng, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.
 - Tiền gửi ngân hàng: Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được gửi tại tài khoản của doanh nghiệp trong ngân hàng.
 - Tiền đang chuyển: Là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.2. Đặc điểm, nhiệm vụ vốn bằng tiền, nguyên tắc hạch toán:

a. Đặc điểm vốn bằng tiền.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu

hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế, trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hằng ngày không được vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và Ngân hàng đã thỏa thuận theo hợp đồng thương mại, khi có tiền thu bán hàng phải nộp ngay cho Ngân hàng.

b. Nhiệm vụ.

- Phản ánh kịp thời các khoản thu chi vốn bằng tiền, thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu số liệu thường xuyên với thủ quỹ nhằm đảm bảo tính chặt chẽ của vốn bằng tiền.

- Phản ánh tình hình tăng giảm, sử dụng TGNH hàng ngày, việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Phản ánh các khoản tiền đang chuyển, kịp thời phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp thích hợp giải phóng nhanh tiền đang chuyển kịp thời.

- Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ, thủ tục hạch toán kế toán vốn bằng tiền, kế toán thực hiện chức năng kiểm soát và phát hiện các trường hợp chi tiêu lãng phí, sai chế độ, phát hiện các chênh lệch vốn bằng tiền.

- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền. Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt nhằm đảm bảo an toàn tiền tệ.

c. nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền bao gồm:

- Hạch toán kế toán phải sử dụng thống nhất một đơn vị giá trị là “đồng Việt Nam” để phản ánh tổng hợp các loại vốn bằng tiền.

- Nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra “đồng Việt Nam” để ghi sổ kế toán. Đồng thời phải theo dõi cả nguyên tệ của các loại ngoại tệ đó.

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho doanh nghiệp không kinh doanh vàng bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị của từng

loại từng thứ. Giá nhập vào trong kỳ được tính theo giá thực tế, còn giá xuất có thể được tính theo một trong các phương pháp sau:

- + Phương pháp thực tế bình quân gia quyền giữa giá đầu kỳ và giá các lần nhập trong kỳ.
- + Phương pháp giá thực tế nhập trước, xuất trước.
- + Phương pháp giá thực tế nhập sau, xuất trước.
- Phải mở sổ chi tiết cho từng loại ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý theo đối tượng, chất lượng... Cuối kỳ hạch toán phải điều chỉnh lại giá trị ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý theo giá vào thời điểm tính toán để có được giá trị thực tế và chính xác. Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

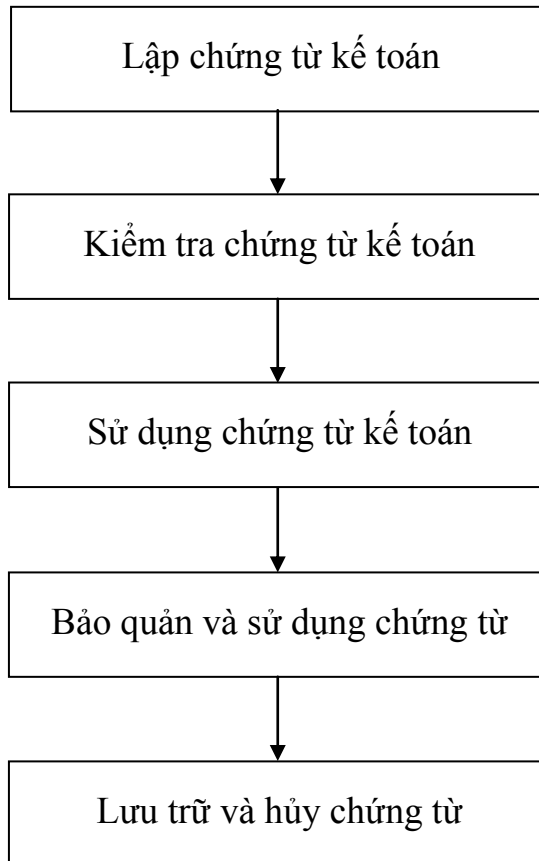
1.1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền.

- Thực hiện ghi chép vào sổ sách kế toán là công việc có khối lượng rất lớn và phải thực hiện thường xuyên, hàng ngày. Do đó, cần phải tổ chức một cách khoa học hợp lý hệ thống kế toán mới có thể tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động của nhân viên kế toán, đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời các chỉ tiêu kinh tế theo yêu cầu quản lý tại doanh nghiệp.
 - Hình thức tổ chức kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.
 - Việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:
 - + Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.
 - + Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.
 - + Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán.
 - + Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ công tác kế toán.
- Hiện nay theo chế độ quy định có 5 hình thức tổ chức sổ kế toán:
- + Nhật ký – sổ cái
 - + Nhật ký chung
 - + Nhật ký chứng từ
 - + Chứng từ ghi sổ
 - + Kế toán máy

Mỗi hình thức đều có ưu nhược điểm riêng và chỉ thực sự phát huy tác dụng trong những điều kiện thích hợp.

1.2. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền:

1.2.1. Luân chuyển chứng từ:



Sơ đồ 1: Sơ đồ luân chuyển chứng từ.

* Để thu thập thông tin đầy đủ chính xác về trạng thái và biến động của tài sản cụ thể nhằm phục vụ kịp thời ban lãnh đạo, chỉ đạo điều hành kinh doanh của

doanh nghiệp và làm căn cứ ghi sổ kế toán, cần thiết phải sử dụng chứng từ kế toán.

* Chứng từ kế toán là những phương tiện chứng minh bằng văn bản cụ thể tính hợp pháp của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Mọi hoạt động kinh tế tài chính trong doanh nghiệp đều phải lập chứng từ hợp lệ chứng minh theo đúng mẫu và phương pháp tính toán, nội dung ghi chép quy định. Một chứng từ hợp lệ cần chứa đựng tất cả các chỉ tiêu đặc trưng cho nghiệp vụ kinh tế đó về nội dung quy mô, thời gian và địa điểm xảy ra nghiệp vụ cũng như người chịu trách nhiệm về nghiệp vụ, người lập chứng từ...

* Cũng như các loại chứng từ phát sinh khác, chứng từ theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền luôn thường xuyên vận động, sự vận động đó được xác định bởi khâu sau:

- Tạo lập chứng từ: Do hoạt động kinh tế diễn ra thường xuyên và hết sức đa dạng nên chứng từ sử dụng để phản ánh cũng mang nhiều nội dung, đặc điểm khác nhau. Bởi vậy tùy theo nội dung kinh tế, theo yêu cầu của quản lý là phiếu thu, chi hay các hợp đồng... mà sử dụng một chứng từ thích hợp. Chứng từ phải lập theo mẫu nhà nước quy định và có đầy đủ chữ ký của những người có liên quan.

- Kiểm tra chứng từ: Khi nhận được chứng từ phải kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, hợp lý của chứng từ, các yếu tố phát sinh chứng từ, chữ ký của người có liên quan, tính chính xác của số liệu trên chứng từ. Chỉ sau khi chứng từ được kiểm tra nó mới được sử dụng làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

- Sử dụng chứng từ cho kế toán nghiệp vụ và ghi sổ kế toán cung cấp nhanh thông tin cho người quản lý phân hành này.

- + Phân loại chứng từ theo từng loại tiền, tính chất, địa điểm phát sinh phù hợp với yêu cầu ghi sổ kế toán.

- + Lập định khoản và ghi sổ kế toán chứng từ đó.

- Bảo quản và sử dụng lại chứng từ trong kỳ hạch toán: trong kỳ hạch toán, chứng từ sau khi ghi sổ kế toán phải được bảo quản và có thể tái sử dụng để kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Lưu trữ chứng từ: Chứng từ vừa là căn cứ pháp lý để ghi sổ kế toán, vừa là tài liệu lịch sử kinh tế của doanh nghiệp. Vì vậy, sau khi ghi sổ và kết thúc kỳ hạch toán, chứng từ được chuyển sang lưu trữ theo nguyên tắc.

- + Chứng từ không bị mất.

- + Khi cần có thể tìm lại được nhanh chóng.

- + Khi hết thời hạn lưu trữ, chứng từ sẽ được đưa ra hủy.

1.2.2. Hạch toán tiền mặt tại quỹ.

* Mỗi một doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: Giấy bạc ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại quý, đá quý...

* Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung tại quỹ. Mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu chi tiền mặt, quản lý và bảo

quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Pháp lệnh kế toán, thống

kê nghiêm cấm thủ quỹ không được trực tiếp mua, bán hàng hóa, vật tư, kiêm nhiệm công việc tiếp liệu hoặc tiếp nhiệm công tác kế toán.

a. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt

* Việc thu chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu chi. Lệnh thu chi này phải có chữ ký của giám đốc (hoặc người có ủy quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu, chi. Thủ quỹ sau khi nhận được phiếu thu, chi sẽ tiến hành thu hoặc chi theo những chứng từ đó. Sau khi đã thực hiện xong việc thu, chi thủ quỹ ký tên đóng dấu “ đã thu tiền” hay “ đã chi tiền” trên các phiếu đó, đồng thời sử dụng phiếu thu và phiếu chi đó để ghi vào sổ quỹ tiền mặt kiêm báo cáo quỹ. Cuối ngày thủ quỹ kiểm tra lại tiền tại quỹ, đối chiếu với báo cáo quỹ rồi nộp báo cáo quỹ và các chứng từ cho kế toán.

* Ngoài phiếu chi, phiếu thu là căn cứ chính để hạch toán vào tài khoản 111 còn cần các chứng từ gốc có liên quan khác kèm vào phiếu thu hoặc phiếu chi như: Giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, hóa đơn bán hàng, biên lai thu tiền...

* Ngoài ra, các sổ sách sử dụng để hạch toán chi tiết tiền mặt còn gồm có: Sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền (đối với hình thức kế toán nhật ký chung) hay các bảng kê chi tiết, sổ chi tiết các tài khoản liên quan...

b. Tài khoản sử dụng.

Để hạch toán tiền mặt tại quỹ kế toán sử dụng tài khoản 111- Tiền mặt.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

Bên nợ:

+ Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ, nhập kho.

+ Số thừa quỹ phát hiện khi kiểm kê.

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng khi điều chỉnh.

Bên có:

+ Các khoản tiền mặt ngân phiếu, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý, vàng, bạc hiện còn tồn quỹ.

+ Số thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm khi điều chỉnh.

- Dư nợ: Các khoản tiền, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn quỹ.

- Tài khoản 111 gồm 3 tài khoản cấp 2:
- Tài khoản 111.1 “ Tiền Việt Nam” phản ánh tình hình thu, chi, thừa thiếu, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.
- Tài khoản 111.2 “ Ngoại tệ ”. Phản ánh tình hình thu chi tăng giảm tỷ giá và tồn.

Quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.

Tài khoản 111.3 “ Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ theo giá mua thực tế. Cơ sở pháp lý để ghi nợ tài khoản 111 là các phiếu thu còn cơ sở ghi có tài khoản 111 là các phiếu chi.

1.2.3 Nguyên tắc hạch toán.

a. Đối với tiền mặt là tiền Việt Nam.

- Chỉ phản ánh vào TK 111 “ Tiền mặt ” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên nợ TK 111 “ Tiền mặt ” mà ghi vào bên nợ TK 113 “ Tiền đang chuyển ”.
- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.
- Khi tiến hành nhập xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao cho phép nhập xuất quỹ theo quy định chế độ của chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.
- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hằng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.
- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hằng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tiền quỹ tiền mặt tại thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

b. Đối với tiền mặt là ngoại tệ.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ là tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán. Bên có được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo

Khóa luận tốt nghiệp

tỷ giá trên sổ kế toán TK 111.2 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá thực tế đích danh (Như một loại hàng hóa đặc biệt).

- Tiền mặt bằng ngoại tệ ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi chi tiết từng loại nguyên tệ trên TK 007 “ Ngoại tệ các loại ” (TK ngoài bảng cân đối kế toán).

- Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

+ Đối với TK thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định...Dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

+ Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các khoản tiền, các TK phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413 – Chênh lệch tỷ giá.

+ Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các TK tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413.

Kết cấu TK 413 – Chênh lệch tỷ giá.

Nợ	TK413	Có
<u>Số dư đầu kỳ:</u> Chênh lệch tỷ giá cần Phải được xử lý cuối kỳ trước		<u>Số dư đầu kỳ:</u> Chênh lệch tỷ giá còn lại cuối kỳ trước.
Phát sinh tăng: - Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hóa, nợ phải trả. - Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. - Xử lý chênh lệch tỷ giá.		Phát sinh giảm: - Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hóa và nợ . - Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của các khoản nợ có gốc ngoại tệ. - Xử lý chênh lệch tỷ giá.
Tổng phát sinh tăng		Tổng phát sinh giảm
<u>Số dư cuối kỳ:</u> - Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý cuối kỳ này		<u>Số dư cuối kỳ:</u> - Chênh lệch tỷ giá còn lại cuối kỳ này.

Bên nợ: Ngoại tệ tăng trong kỳ.

Bên có: Ngoại tệ giảm trong kỳ.

Dư nợ: Ngoại tệ hiện có.

- Hạch toán thu đối với ngoại tệ: Nhập quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ, kế toán căn cứ vào tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi sang Đồng Việt Nam.

- Hạch toán chi đối với ngoại tệ: Xuất quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ để thanh toán, chi trả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Nếu có chênh lệch giữa tỷ giá thực tế thu chi ngoại tệ trong kỳ và tỷ giá ngày phát sinh nghiệp vụ chi ngoại tệ thì phản ánh số chênh lệch này trên TK 515(Nếu lãi tỷ giá hối đoái) hoặc TK 635 – Chi phí tài chính (Nếu lỗ tỷ giá hối đoái).

- Thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán) theo tỷ giá hối đoái bình quân lên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi hoặc lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) (TK 4132) và của hoạt động sản xuất, kinh doanh (TK 4131).

c. Đối với tiền mặt là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý:

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở TK tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào TK 111 (1113). Do vàng, bạc, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Các loại vàng, bạc, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá thực tế như: Phương pháp giá đơn vị bình quân, FIFO, LIFO, hay phương pháp đặc điểm riêng. Song từng loại vàng, bạc, đá quý lại có những đặc điểm riêng và giá trị khác nhau nên sử dụng phương pháp đặc điểm riêng để tính giá vàng, bạc, đá quý dùng là chính xác nhất.

- Ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

1.2.4 Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.

a. Đối với tiền mặt là tiền Việt Nam

1. Thu tiền mặt do bán sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp lao vụ, dịch vụ nhập quỹ tiền mặt của đơn vị.

- Trường hợp bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế

GTGT ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá bán chưa GTGT)

Có TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ (giá bán chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311)

- Khi bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tổng giá thanh toán)

Có TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ (tổng giá thanh toán)

2. Khi nhận được tiền của Ngân sách Nhà nước thanh toán về khoản trợ cấp, trợ giá bằng tiền mặt ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (3339)

3. Khi phát sinh các khoản doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ và DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ (như thu lãi đầu tư ngắn hạn, thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ...) bằng tiền mặt nhập quỹ ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt (tổng giá thanh toán)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (giá chưa có thuế GTGT)

Có TK 711 – Thu nhập khác (giá chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311)

4. Khi phát sinh các khoản doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không đối tượng chịu thuế GTGT bằng tiền mặt khi nhập quỹ ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 – Thu nhập khác

5. Rút TGNH về nhập quỹ tiền mặt, vay dài hạn, ngắn hạn, vay khác bằng tiền mặt (tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ) ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt (1111, 1112)

Có TK 112 – TGNH (1121, 1122)

Có TK 311, 341,...(Vay ngắn hạn, dài hạn)

6. Thu hồi các khoản nợ phải thu và nhập quỹ tiền mặt của doanh nghiệp ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (1111,112)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 136 - Phải thu nội bộ

Có TK 138 – Phải thu khác (1388)

Có TK 141 – Thu hồi tạm ứng thừa

7. Thu hồi các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thu hồi các khoản tiền cho vay nhập quỹ tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (1111,112)

Có TK 121 – Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Có TK 128 - Đầu tư ngắn hạn khác

Có TK 138 – Phải thu khác

Có TK 144 – Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 244 – Ký quỹ, ký cược dài hạn

Có TK 228 – Đầu tư dài hạn khác.

8. Nhận khoản ký quỹ, ký cược của các đơn vị khác bằng tiền mặt, ngoại tệ ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (1111,112)

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn)

Có TK 344 – Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

9. Các khoản thừa quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa rõ nguyên nhân ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3381)

10. Khi nhận được vốn do được giao, nhận vốn góp bằng tiền mặt ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 411 – Nguồn vốn kinh doanh

11. Xuất quỹ tiền mặt gửi vào TK tại ngân hàng ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

Có TK 111 – Tiền mặt

12. Xuất quỹ tiền mặt mua chứng khoán ngắn hạn, dài hạn hoặc đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh ghi:

Nợ TK 121- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Nợ TK 221 – Đầu tư vào công ty con

Nợ TK 222- Vốn góp liên doanh

Nợ TK 223 – Đầu tư vào công ty liên kết

Nợ TK 228- Đầu tư dài hạn khác

Có TK 111 – Tiền mặt

13. Xuất quỹ tiền mặt đem đi ký quỹ, ký cược

Nợ TK 144 – Cầm cố ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Nợ TK 244 - Ký quỹ, ký cược dài hạn

Có TK 111 – Tiền mặt

14. Xuất quỹ tiền mặt mua TSCĐ đưa ngay vào sử dụng:

- Trường hợp mua TSCĐ về sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa thuộc đối tượng GTGT tính theo phương pháp khấu trừ ghi:

Nợ TK 211- Tài sản cố định hữu hình (Giá mua chưa thuế GTGT)

Nợ TK 213 – TSCĐ vô hình(giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1332)

Có TK 111 – Tiền mặt

- Trường hợp mua TSCĐ về sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu GTGT tính theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc sử dụng cho hoạt động sự nghiệp, dự án được trang trải bằng nguồn kinh phí sự nghiệp, dự án hoặc sử dụng cho hoạt động văn hóa, phúc lợi được trang trải bằng quỹ khen thưởng, phúc lợi ghi:

Nợ các TK 221,213...(Tổng giá thanh toán)

Có TK 111 – Tiền mặt (Tổng giá thanh toán)

Nếu TSCĐ mua sắm bằng nguồn vốn đầu tư XDCB hoặc quỹ đầu tư phát triển và được dùng vào SXKD, kế toán ghi tăng nguồn vốn kinh doanh. Khi quyết toán vốn đầu tư XDCB được duyệt, ghi:

Nợ các TK 441, 414.....

Có TK 441 – Nguồn vốn kinh doanh

15. Xuất quỹ tiền mặt chi cho hoạt động đầu tư XDCB chi sửa chữa lớn TSCĐ phải lắp đặt để dùng vào sản xuất, kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ ghi:

Nợ các TK 241 – XDCB dở dang

Nợ các TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1332)

Có TK 111 – Tiền mặt

16. Xuất quỹ tiền mặt mua nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa nhập kho để dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ (Theo phương pháp kê khai thường xuyên), ghi:

Nợ TK 152- Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 – Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 – Hàng hóa (Giá mua chưa thuế GTGT)

Nợ TK 157- Hàng hóa gửi đi bán

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111 – Tiền mặt

17. Xuất quỹ tiền mặt mua vật tư hàng hóa dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ (Theo phương pháp kê khai thường xuyên) ghi:

Nợ TK 611- Mua hàng (6111, 6112)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111 – Tiền mặt

18. Xuất quỹ tiền mặt thanh toán các khoản nợ phải trả, ghi:

Nợ TK 311 – Vay ngắn hạn

Nợ TK 315 – Nợ dài hạn đến hạn trả

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán

Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nợ TK 334 – Phải trả người lao động

Nợ TK 336 – Phải trả nội bộ

Nợ TK 338 – Phải trả phải nộp khác

Có TK 111 – Tiền mặt

19. Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ khi NVL sử dụng ngay vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ bằng tiền mặt phát sinh trong kỳ ghi:

Nợ các TK 621, 622, 627, 641, 642....

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111 – Tiền mặt

20. Xuất quỹ tiền mặt sử dụng cho hoạt động tài chính, hoạt động khác ghi:

Nợ các TK 635, 811...

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

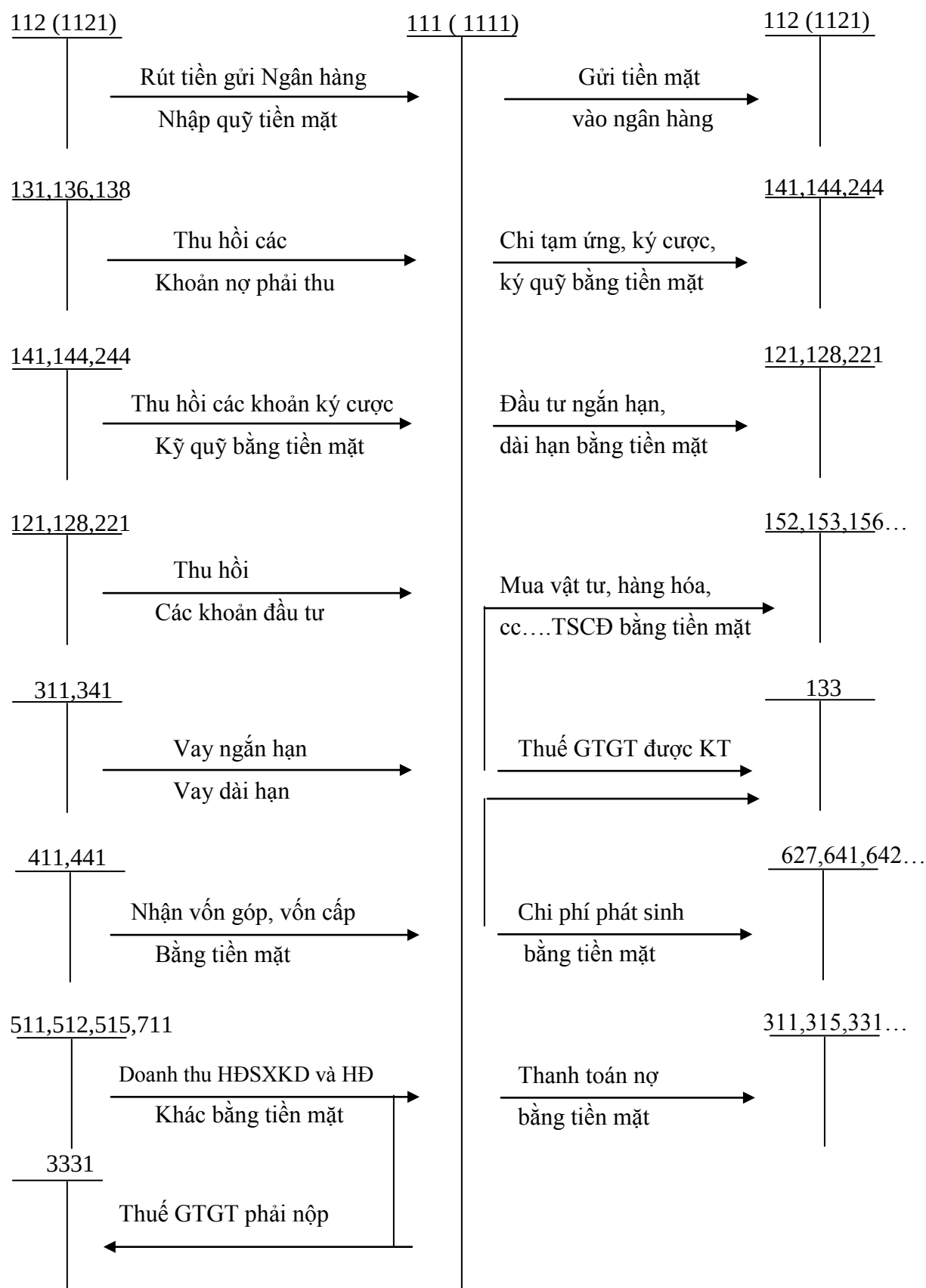
Có TK 111 – Tiền mặt

21. Các khoản thiếu quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân, ghi:

Nợ TK 138 – Phải thu khác (1381)

Có TK 111 – Tiền mặt

Kế toán tổng hợp thu chi TM bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt (VND)

b. Đối với tiền mặt là ngoại tệ:

1. Khi mua hàng hóa, dịch vụ thanh toán bằng tiền mặt là ngoại tệ:

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch mua ngoài vật tư, hàng hóa TSCĐ, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 157, 211... (Theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng cân đối kế toán)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch mua ngoài vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 157, 211, 213, 241, 623, 627, 641, 642... (Theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Có TK 111 (1112) (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái)

Đồng thời ghi bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng cân đối kế toán)

- Khi nhận vật tư hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ của nhà cung cấp, hoặc khi vay ngắn hạn, vay dài hạn, nợ dài hạn hoặc nhận nợ nội bộ... Bằng ngoại tệ, căn cứ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch, ghi:

Nợ các TK 152, 155, 156, 211... (Theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 331, 311, 341, 342, 336... (Theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

2. Khi thanh toán nợ phải trả:

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả, ghi:

Nợ các TK 331, 315, 311, 336, 341, 342... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng cân đối kế toán)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 – Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng cân đối kế toán)

3. Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ là tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 (1112) (Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch

BQLNH)

Có các TK 511, 515, 711... (Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc

TGGDBQLNH)

Đồng thời ghi bên Nợ TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng cân đối kế toán)

4. Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ, nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 111 (1112) (Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có các TK 131, 136, 138, ... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi bên Nợ TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng cân đối kế toán)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111 (1112) (Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

*Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối
đoái)*

Có các TK 131, 136, 138, .. (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi bên Nợ TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng cân đối kế toán)

5. Khi mua ngoài vật tư dịch vụ, TSCĐ, thiết bị ...

- Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá, ghi:

*Nợ các TK 151, 152, 211, 213, 241... (Tỷ giá hối đoái tại ngày
giao dịch)*

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng cân đối kế toán)

- Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá trong giao dịch bằng ngoại tệ thanh toán vật tư, dịch vụ, TSCĐ, thiết bị, khối lượng xây dựng, lắp đặt, ghi:

*Nợ các TK 151, 152, 211, 213, 241... (Tỷ giá hối đoái tại ngày
giao dịch)*

Có TK 111 (1112) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (Lãi tỷ giá)

Đồng thời ghi bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng cân đối kế toán)

6. Khi thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ (Nợ phải trả người bán, nợ vay dài hạn, ngắn hạn, nợ nội bộ (nếu có),...)

- Nếu phát sinh lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải trả, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (Lỗi tỷ giá)

Có TK 111 (1112) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng cân đối kế toán)

- Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải trả, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (Lãi tỷ giá)

Có TK 111 (1112) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng cân đối kế toán)

7. Ở thời điểm cuối năm hành chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư TK 111 “Tiền mặt” có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 111 (1112) – TGNH

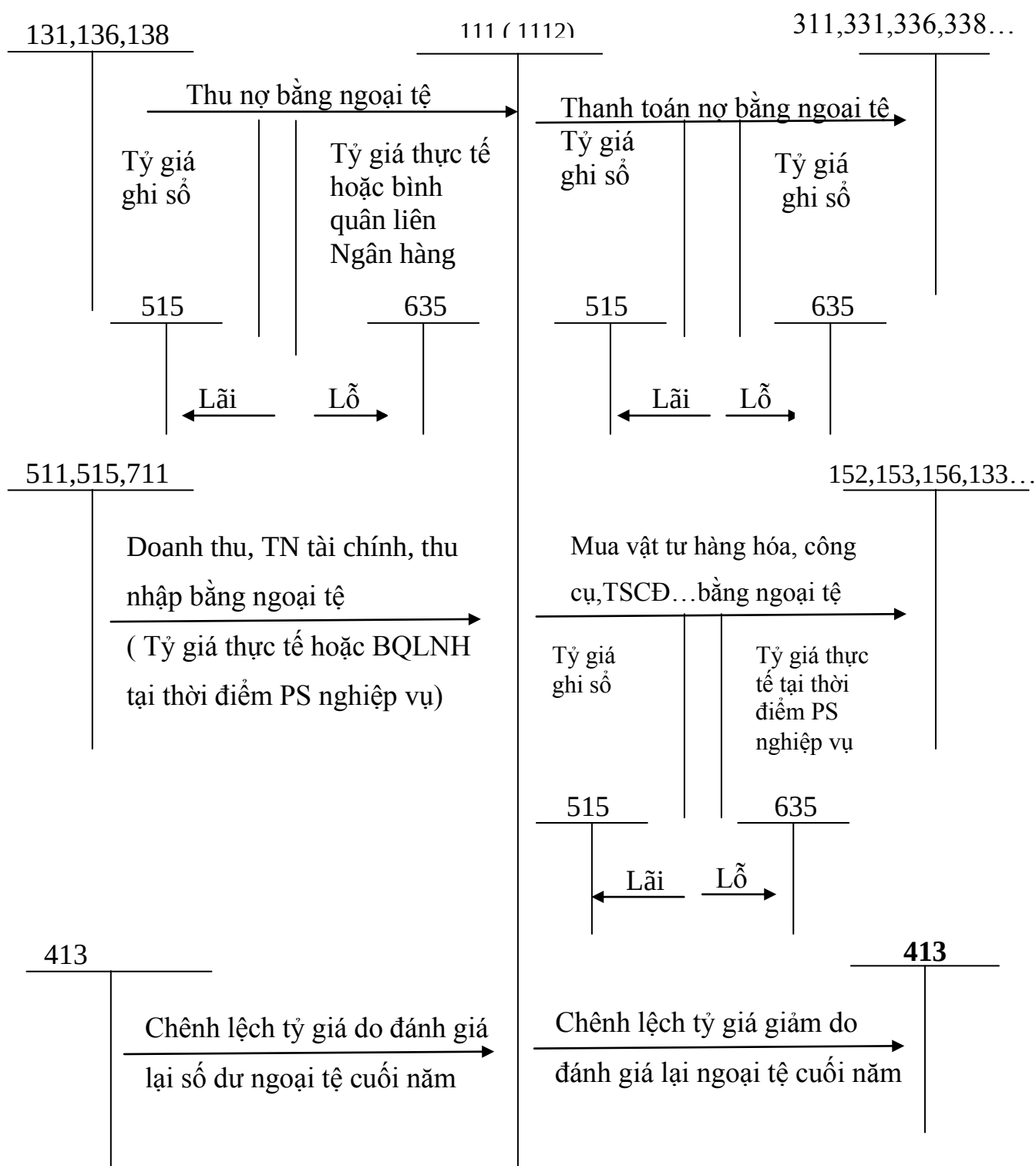
Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132)

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

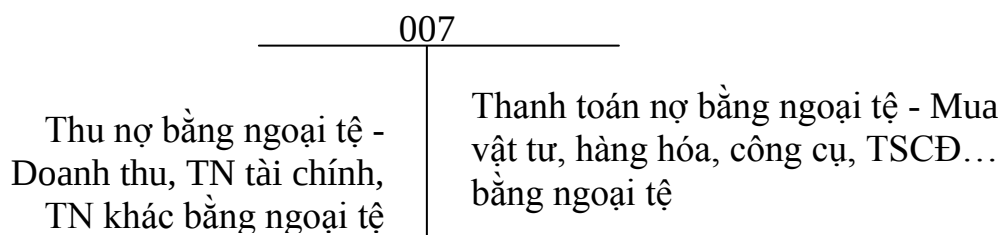
Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132)

Có TK 111 (1112) – TGNH

Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 – Ngoại tệ các loại.



Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt (Ngoại tệ)

1.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng (TGNH)

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các tổ chức khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thỏa thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào TK tại ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dụng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng.

1.3.1 Tài khoản sử dụng

Hạch toán TGNH được thực hiện trên TK 112. Kết cấu và nội dung phản ánh của TK này như sau:

Nợ	TK 112	Có
Số dư đầu kỳ: Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng tồn từ kỳ trước.		
Phát sinh tăng : - Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào Ngân hàng. - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối		Phát sinh giảm : - Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ ngân hàng. - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối
Tổng phát sinh tăng		Tổng phát sinh giảm
Số dư cuối kỳ: Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại Ngân hàng cuối kỳ này.		

TK 112 – TGNH, có 3 TK cấp 2:

- *TK 1121 – Tiền Việt Nam:* Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.
- *TK 1122 – Ngoại tệ:* Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- TK 1123 – Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý, gửi vào rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng.

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ “Báo nợ, báo có” của Ngân hàng ghi vào các sổ kế toán tổng hợp. Kế toán TGNH sử dụng các sổ kế toán tổng hợp tùy thuộc vào hình thức kế toán đơn vị áp dụng.

1.3.2 Chứng từ sử dụng

Giấy báo nợ, giấy báo có, bản sao kê, lệnh chuyển có, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc, ngoài ra còn sử dụng các sổ sách tổng hợp liên quan: sổ tiền gửi ngân hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán bằng VNĐ (bằng ngoại tệ), sổ chi tiết bán hàng, bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng...

Trong hình thức Nhật ký chứng từ, sổ phát sinh bên Có TK 112 được phản ánh trên NKCT số 2, sổ phát sinh bên Nợ TK 112 được phản ánh trên bảng kê số 2 – TK 112. Trong hình thức kế toán nhật ký chung, căn cứ vào chứng từ gốc kế toán phản ánh vào nhật ký chung, nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền. Đồng thời căn cứ vào nhật ký chung để vào sổ cái TK 112 và sổ cái các TK liên quan.

1.3.3 Nguyên tắc hạch toán

a. Đối với TGNH là tiền Việt Nam.

Căn cứ để hạch toán trên TK 112 “Tiền gửi ngân hàng” là giấy báo có, báo nợ hoặc bản kê sao của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc bảo chi,...). Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để xử lý kịp thời. Cuối tháng, nếu chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi số chênh lệch vào bên Nợ TK 138(1388) “Phải thu khác” hoặc ghi vào bên Có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (Nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của ngân hàng). Sang tháng tiếp tục kiểm tra đối chiếu, xác minh làm rõ nguyên nhân để điều chỉnh.

Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (VNĐ hoặc ngoại tệ các loại). Phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng loại tiền gửi và chi tiết theo từng ngân hàng để thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

b. Đối với TGNH là ngoại tệ

- Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh.

- Trường hợp mua ngoại tệ gửi Ngân hàng thì phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả. Trường hợp rút TGNH bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá phản ánh trên sổ kế toán 112 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, FIFO, LIFO, thực tế đích danh.
- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ TK 635 – chi phí hoạt động tài chính. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132).
- Ngoài ra để theo dõi chi tiết các loại nguyên tệ kế toán mở sổ chi tiết TK 007 – ngoại tệ các loại.
- Ở cuối năm tài chính doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch BQLNH do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ của hoạt động XDCB vào TK 413 – chênh lệch tỷ giá hối đoái.

c. Đối với TGNH là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

Đối với TGNH là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thì nguyên tắc hạch toán giống với nguyên tắc là tiền mặt là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

1.3.4 Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.

1. Xuất quỹ tiền mặt gửi vào TK tại Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 111 – Tiền mặt

2. Nhận giấy báo có của ngân hàng về số tiền đã chuyển vào TK, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 113 – Tiền đang chuyển

3. Nhận được tiền ứng trước hoặc khi khách hàng trả nợ bằng chuyển khoản căn cứ vào giấy báo có của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng

4. Thu hồi các khoản tiền ký quỹ, ký cược bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 144 – Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 244 – Ký quỹ, ký cược dài hạn

5. Nhận góp vốn liên doanh, vốn góp cổ phần bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 411 – Nguồn vốn kinh doanh

6. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn bằng TGNH, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 334 – Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3388)

7. Thu hồi các khoản tiền ký quỹ, ký cược bằng TGNH, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 121 – Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (giá vốn)

Có TK 128 – Đầu tư ngắn hạn khác

Có TK515 – Doanh thu hoạt động tài chính (lãi)

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311)

8. Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ, thu từ hoạt động tài chính và các khoản thu khác:

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 – Doanh thu BH và CCDV (giá chưa thuế GTGT)

Có TK 512 – Doanh thu BH nội bộ (giá chưa thuế GTGT)

*Có TK515 – Doanh thu hoạt động tài chính (khoản thu chưa
có thuế GTGT)*

Có TK 711 – Thu nhập khác (thu nhập chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311)

- Đối với các doanh nghiệp không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp bằng tiền gửi ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 511 – Doanh thu BH và CCDV (tổng giá thanh toán)

Có TK 512 – Doanh thu BH nội bộ (tổng giá thanh toán)

Có TK515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 – Thu nhập khác

9. Thu lãi tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK515 – Doanh thu hoạt động tài chính

10. Rút TGNH về nhập quỹ tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

11. Chuyển TGNH đi ký quỹ, ký cược (dài hạn, ngắn hạn), ghi:

Nợ TK 144 – Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Nợ TK 244 – Ký quỹ, ký cược dài hạn

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

12. Chuyển TGNH đi đầu tư tài chính ngắn hạn, ghi:

Nợ TK 121 – Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Nợ TK 128 – Đầu tư ngắn hạn khác

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

13. Trả tiền mua vật tư, công cụ, hàng hóa về dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bằng chuyển khoản, ủy nhiệm chi hoặc séc:

- Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, khi phát sinh, ghi:

Nợ TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 – Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 – Hàng hóa

Nợ TK 157 – Hàng gửi đi bán

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

- Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ khi phát sinh, ghi:

Nợ TK 611 – Mua hàng

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

14. Trả tiền mua TSCĐ, BĐS đầu tư, đầu tư dài hạn, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 211 – TSCĐ hữu hình

Nợ TK 213 – TSCĐ vô hình

Nợ TK 217 – Bất động sản đầu tư

Nợ TK 221 – Đầu tư vào công ty con

Nợ TK 222– Vốn góp liên doanh

Nợ TK 223– Đầu tư vào công ty liên kết

Nợ TK 228 – Đầu tư dài hạn khác

Nợ TK 241– XD CB dở dang

Nợ TK 133– Thuế GTGT được khấu trừ (1332 – nếu có)

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

15. Thanh toán các khoản nợ bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 311– Vay ngắn hạn

Nợ TK 315– Nợ dài hạn đến hạn trả

Nợ TK 331– Phải trả cho người bán

Nợ TK 333– Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nợ TK 336– Phải trả nội bộ

Nợ TK 338– Phải trả phải nộp khác

Nợ TK 341 – Vay dài hạn

Nợ TK 342– Nợ dài hạn

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

16. Trả cổ tức, lợi nhuận cho các bên góp vốn, chi các quỹ doanh nghiệp bằng TGNH, ghi:

Nợ TK 411– Nguồn vốn kinh doanh

Nợ TK 421– Lợi nhuận chưa phân phối

Nợ các TK 414, 415, 418, ...

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

17. Thanh toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại cho người mua bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 521– Chiết khấu thương mại

Nợ TK 531– Hàng bán bị trả lại

Nợ TK 532– Giảm giá hàng bán

Nợ TK 3331– Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

18. Chi bằng TGNH liên quan đến các khoản chi phí lợi dụng máy thi công, chi phí SXC, CPBH, CPQLDN, CP hoạt động tài chính, chi phí khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 623– Chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 627– Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 641– Chi phí bán hàng

Nợ TK 642– Chi phí quản lý doanh nghiệp

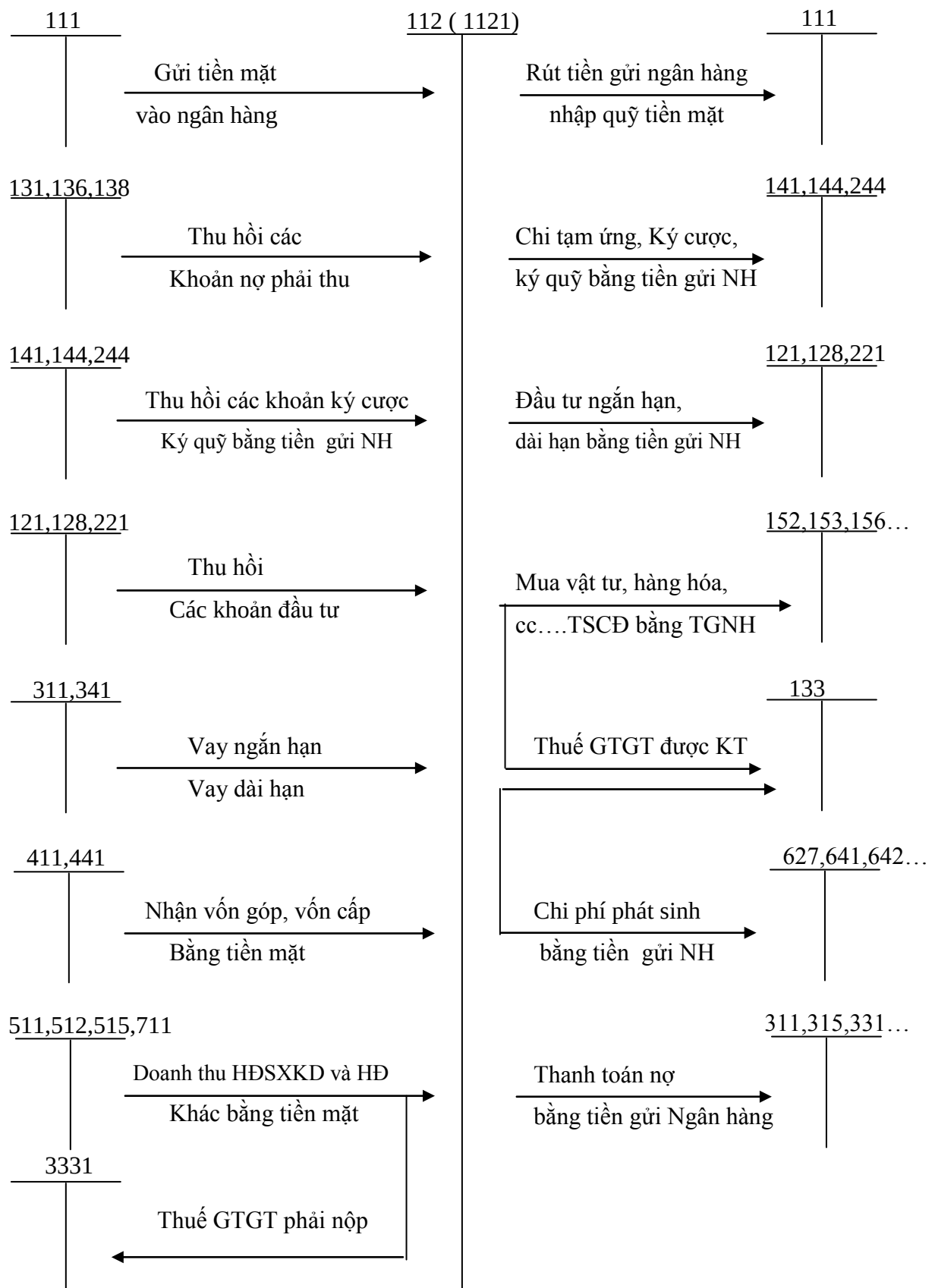
Nợ TK 635– Chi phí tài chính

Nợ TK 811– Chi phí khác

Nợ TK 133– Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Kế toán tổng hợp TGNH bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)

b. Đối với TGNH là ngoại tệ

1. Khi mua vật tư hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ thanh toán bằng tiền gửi ngoại tệ:

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ, ghi:

*Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 211, 632, 627, 641, 642... (Theo
TGHD ngày giao dịch)*

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) – (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ, ghi:

*Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 211, 632, 627, 641, 642... (Theo
TGHD ngày giao dịch)*

Có TK 112 (1122) – (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

*Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối
đoái)*

Đồng thời ghi bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

2. Khi thanh toán nợ phải trả (nợ phải trả người bán, nợ vay ngắn hạn, vay dài hạn, nợ dài hạn, nợ nội bộ,...)

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) – (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

*Nợ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối
đoái)*

Có TK 112 (1122) – (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

3. Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ, ghi:

*Nợ TK 112 (1122) (Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch
BQLNH)*

*Có các TK 511, 515, 711 – (Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ
giá giao dịch BQLNH)*

Đồng thời ghi bên Nợ TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

4. Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ (Phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ...)

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 112 (1122) (Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có các TK 131, 136, 138,... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi bên Nợ TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 112 (1122) (Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

*Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối
đoái)*

Có các TK 131, 136, 138,... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi bên Nợ TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

5. Khi mua hàng hóa, dịch vụ, vật tư, thiết bị, TSCĐ...

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

*Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 211, 632, 627, 641, 642...(Theo
TGHD ngày giao dịch)*

Có TK 112 (1122) – (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132)(Lãi TGHD)

Đồng thời ghi bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

6. Khi thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,...(Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132)(Lỗ TGHD)

Có TK 112 (1122) – (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,...(Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 112 (1122) – (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132)(Lãi TGHD)

7. Hằng năm chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) cho đến khi hoàn thành đầu tư xây dựng cơ bản và được xử lý theo quy định.

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 112 (1122)

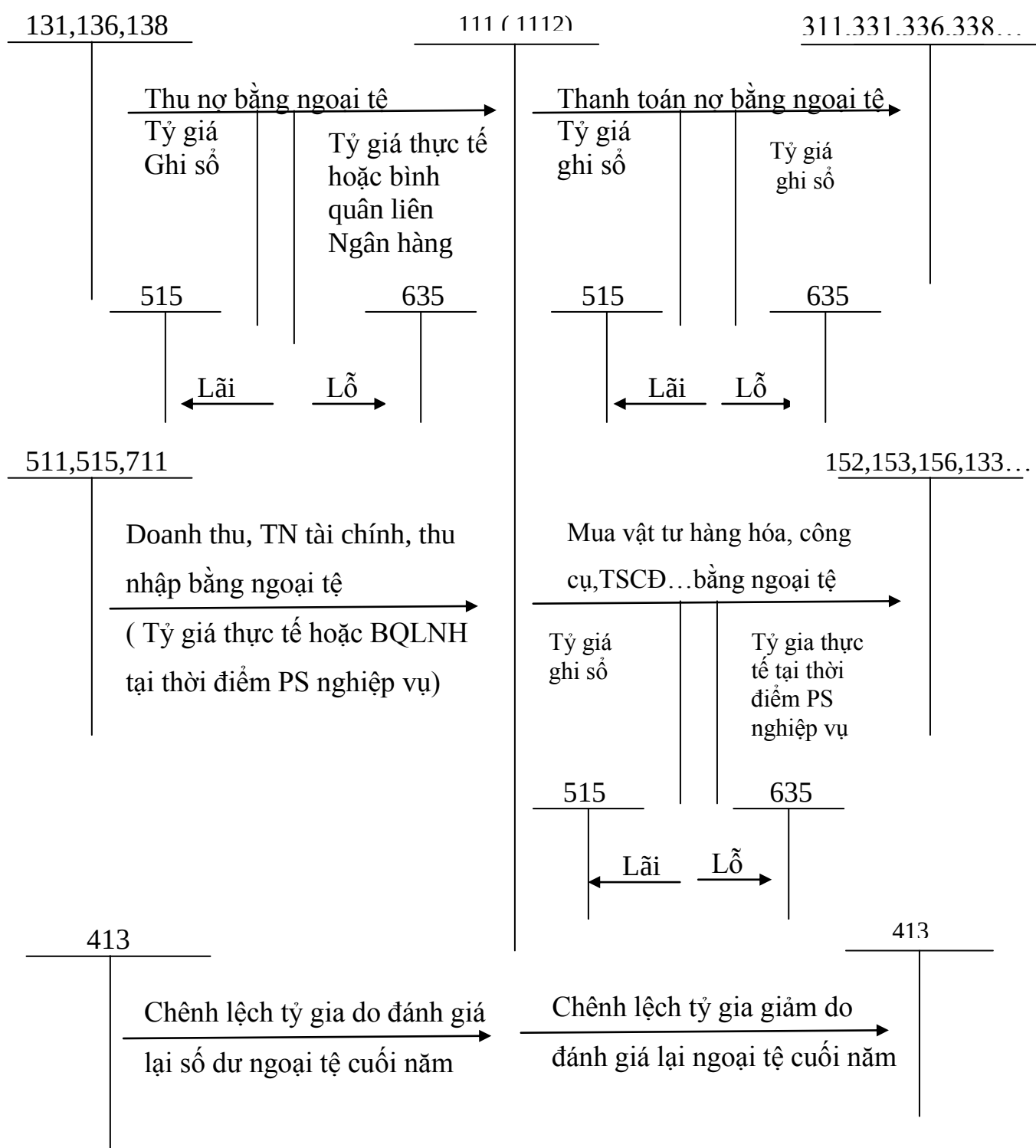
Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132)

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

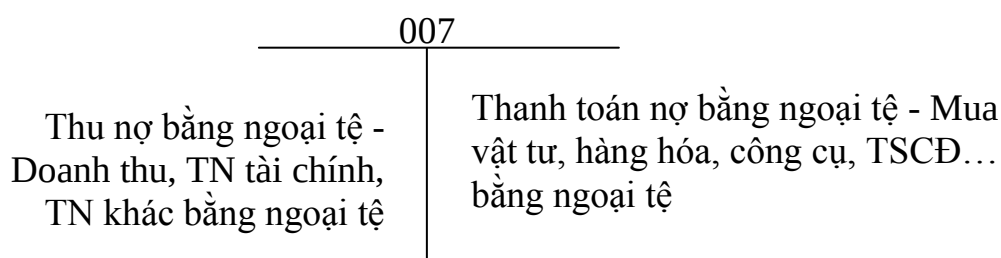
Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132)

Có TK 112(1122)

Kế toán TGNH là ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 – Ngoại tệ các loại.



Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)

1.4 Kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào Kho bạc (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hoặc báo có...

1.4.1 TK sử dụng

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên TK 113 – “Tiền đang chuyển”. Nội dung và kết cấu TK này như sau:

Nợ	TK 113	Có
<u>Số dư đầu kỳ:</u> Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ trước		
<i>Phát sinh tăng:</i> - Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.		<i>Phát sinh giảm:</i> - Số kết chuyển vào TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng, hoặc TK có liên quan. - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.
<i>Tổng phát sinh tăng</i>		<i>Tổng phát sinh giảm</i>
<u>Số dư cuối kỳ:</u> Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ này.		

TK 113 – Tiền đang chuyển có 2 TK cấp 2:

- TK 1131 – *Tiền Việt Nam* : Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
- TK 1132 – *Ngoại tệ* : Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển

1.4.2 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc.
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như : Séc các loại, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

1.4.3 Nguyên tắc hạch toán

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng hay làm thủ tục chuyển tiền từ TK tại Ngân hàng hồi đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ lệ trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hoặc báo có...

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Séc bán hàng thu được phải nộp vào Ngân hàng trong phạm vi thời hạn giá trị của séc.
- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời.
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với Ngân hàng.

1.4.4 Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

1. Thu tiền bán hàng, tiền nợ của khách hàng hoặc các khoản thu nhập khác bằng tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng (không qua quỹ) nhưng chưa nhận được giấy báo có của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 113 – Tiền đang chuyển (1131, 1132)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng (Thu nợ của KH)

Có TK 511 – Doanh thu BH và CCDV

Có TK 512 – Doanh thu BH nội bộ

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 – Thu nhập khác

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311) (Nếu có)

2. Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 113 – Tiền đang chuyển (1131, 1132)

Có TK 111 – Tiền mặt (1111, 1112)

3. Làm thủ tục chuyển tiền từ TK ở Ngân hàng để trả cho chủ nợ nhưng chưa nhận được giấy báo nơn của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 113 – Tiền đang chuyển (1131, 1132)

Có TK 112– Tiền gửi Ngân hàng (1121, 1122)

4. Khách hàng trả trước tiền mua hàng bằng séc, đơn vị đã nộp séc vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 113 – Tiền đang chuyển (1131, 1132)

Có TK 131– Phải thu của khách hàng

5. Ngân hàng báo có các khoản tiền đang chuyển đã vào TK tiền gửi của đơn vị, ghi:

Nợ TK 112– Tiền gửi Ngân hàng (1121, 1122)

Có TK 113– Tiền đang chuyển (1131, 1132)

6. Ngân hàng báo nợ các khoản tiền đang chuyển đã chuyển cho người bán, người cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 331– Phải trả người bán

Có TK 113– Tiền đang chuyển (1131, 1132)

7. Cuối niên độ kế toán, đánh giá lại số dư ngoại tệ trên TK 113 “Tiền đang chuyển”

- Nếu chênh lệch tỷ giá tăng, ghi:

Nợ TK 113 – Tiền đang chuyển (1132)

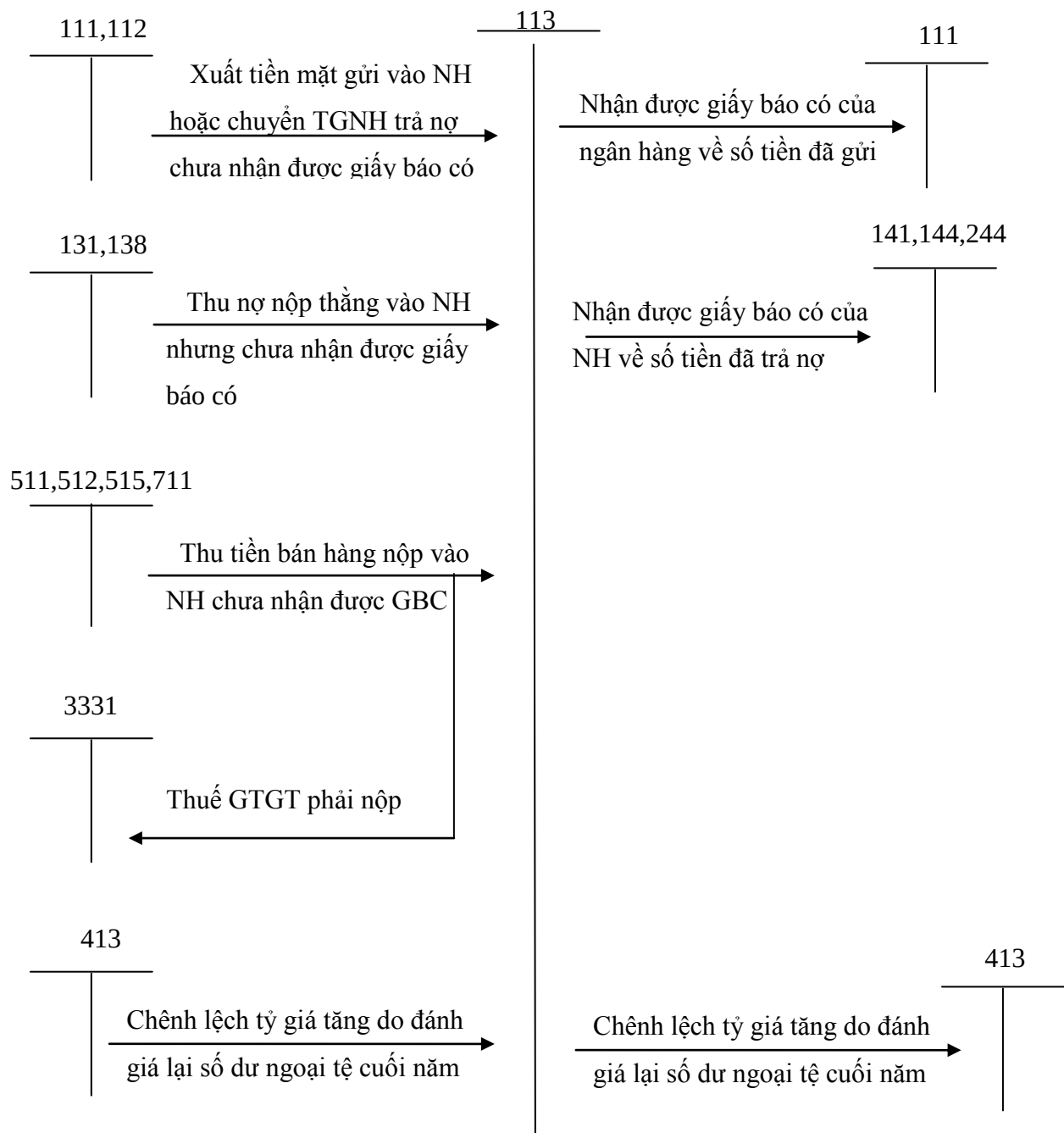
Có TK 413– Chênh lệch tỷ giá hối đoái

- Nếu chênh lệch tỷ giá giảm, ghi:

Nợ TK 413– Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Có TK 113 – Tiền đang chuyển (1132)

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền đang chuyển

CHƯƠNG 2 : TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TUẤN HÙNG.

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TUẤN HÙNG

2.1.1. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng

Tên công ty : Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng

Địa chỉ: Khu 8-thị trấn Tiên Lãng - huyện Tiên Lãng - Hải Phòng

Điện thoại: 0313 916 565

Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng được thành lập vào ngày 20/10/2006 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201080936 do phòng đăng ký kinh doanh - sở kế hoạch đầu tư Hải Phòng cấp theo nội dung chính như sau:

Tên công ty viết bằng tiếng việt:

Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng

Địa chỉ trụ sở chính:

Khu 8, Thị Trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: 9 ngành nghề

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, tư vấn đầu tư xây dựng điện, gia công cơ khí, xử lý và buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy xăng dầu cùng các sản phẩm liên quan đến sắt thép, vật liệu xây dựng. Đặc biệt hoạt động vận tải hàng hóa bằng đường bộ ven hải và viễn dương, đường thủy nội địa.

Vốn điều lệ: 3000.000.000 VNĐ

Để phát triển công ty lớn mạnh ban Giám Đốc đã tiến hành mở rộng nhiều lĩnh vực tạo thêm ngành nghề kinh doanh mới để phù hợp với sự phát triển của công ty theo một lộ trình như sau:

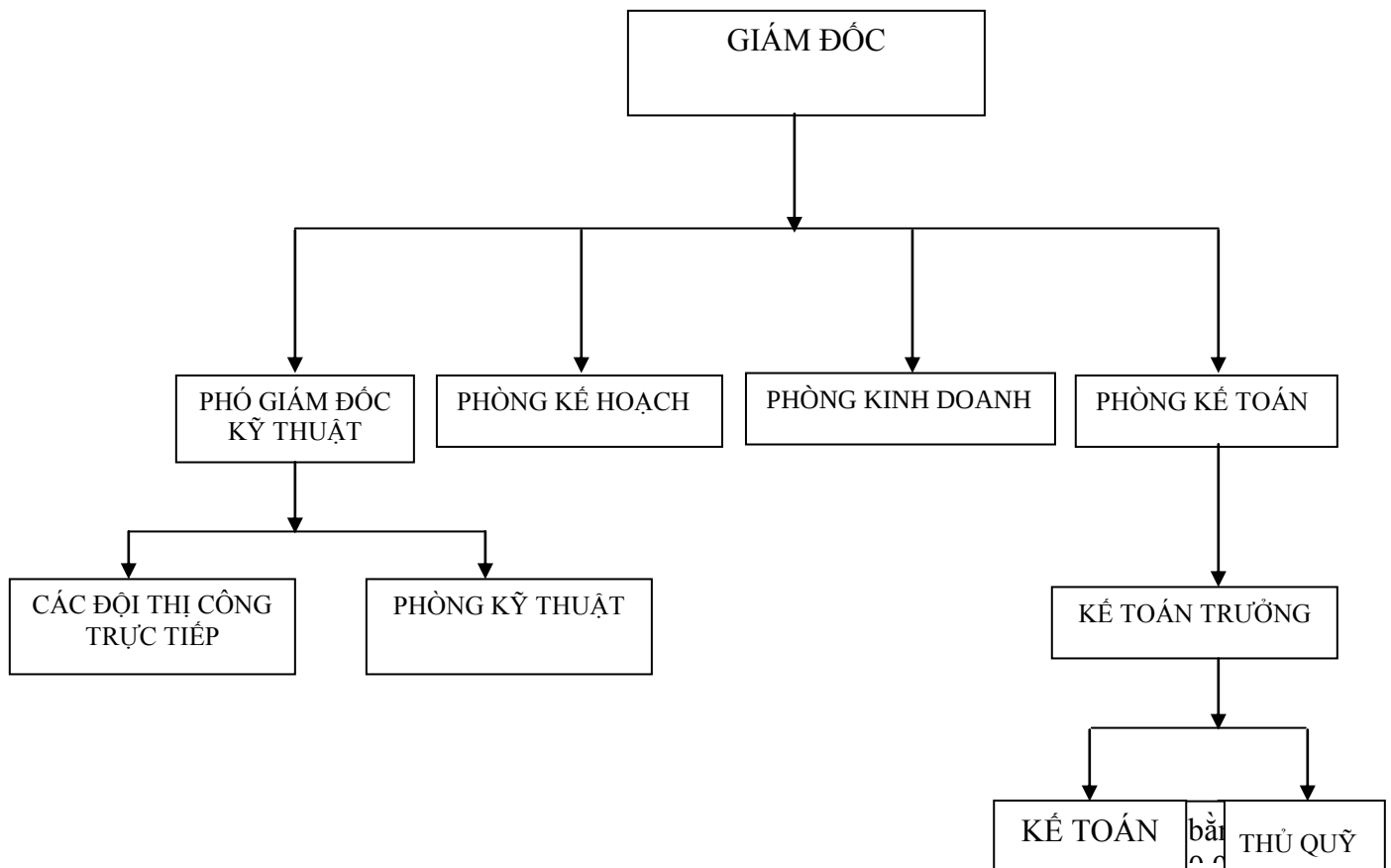
Từ ngày bắt đầu thành lập đến ngày 15/06/2008 công ty tập trung vào xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà công nghiệp, sau khi họp bàn với mong muốn mở rộng và phát triển công ty hơn nữa ban Giám đốc đã quyết định đăng kí thêm ngành nghề kinh doanh, chính vì vậy mà bắt từ ngày 20/08/2008 công ty có

thêm lĩnh vực mới là tư vấn đầu tư xây dựng điện, thương mại chuyên cung cấp sắt thép vật liệu xây dựng cho các công trình xây dựng.

Để đáp ứng phục vụ cho ngành nghề kinh doanh mới công ty cũng tăng vốn điều lệ lên 4.500.000.000 VNĐ

Sơ đồ 1.1

**CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ
CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TUẤN HÙNG**



2.1.2- Chức năng nhiệm vụ từng phòng ban:

Giám Đốc công ty: Là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty chịu trách nhiệm trước ban Giám Đốc và nhân viên toàn công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Phó Giám Đốc kỹ thuật: Thực hiện các công việc của Giám Đốc giao phó hoặc ủy quyền trợ giúp Giám Đốc trong việc theo dõi giám sát, đôn đốc chỉ đạo mọi hoạt động thi công các công trình.

Phòng kế toán: Quản lý toàn bộ vốn và tài sản của công ty thực hiện các chính sách về tài chính và kế toán của nhà nước tại công ty theo đúng pháp luật.

- Lập kế hoạch vay vốn và thực hiện các phương án vay vốn Ngân hàng để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

Phòng kỹ thuật: Quản lý mảng kỹ thuật thiết bị cho công ty. Thiết lập và thực hiện mô hình dịch vụ kỹ thuật theo định hướng của công ty. Trang bị cho đội ngũ công nhân viên đầy đủ kiến thức về kỹ thuật và vận hành máy. Đảm bảo uy tín, chất lượng dịch vụ thông qua việc đáp ứng nhanh nhất, tốt nhất các yêu cầu hợp lý của khách hàng. Giải quyết các vấn đề phản hồi của khách hàng liên quan đến kỹ thuật. Chịu trách nhiệm báo cáo công việc trực tiếp trước GD.

Phòng kế hoạch: Xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, làm toàn bộ các thủ tục hợp đồng thanh toán và quyết toán công trình với các chủ đầu tư, tổng hợp báo cáo thống kê nhiệm kỳ theo chế độ.

Phòng kinh doanh: Lập các kế hoạch kinh doanh và triển khai thực hiện. Thiết lập giao dịch trực tiếp với hệ thống khách hàng, hệ thống nhà phân phối. Thực hiện hoạt động bán hàng với khách hàng nhằm mang lại doanh thu cho doanh nghiệp. Phối hợp với các bộ phận liên quan như kế toán, sản xuất phân phối nhằm mang đến các dịch vụ đầy đủ nhất cho khách hàng.

2.1.3- Đặc điểm kinh doanh của công ty:

Theo giấy phép kinh doanh công ty đăng ký 9 ngành nghề các lĩnh vực kinh doanh. Tuy nhiên với sự phát triển của xã hội cùng với việc nghiên cứu thị trường của Việt Nam hiện nay thì công ty tập trung vào một số lĩnh vực ngành nghề chính sau:

- + Tư vấn đầu tư xây dựng điện.
- + Xây dựng công trình công nghiệp, cơ sở hạ tầng.
- + Xử lý và buôn máy móc thiết bị phụ tùng phục vụ xây dựng
- + Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt trong xây dựng.
- + Dịch vụ vận tải hàng hóa.

2.1. 4- Quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng là một công ty mới thành lập cho đến nay là 7 năm. Là một doanh nghiệp trẻ nhưng công ty đã đi vào kinh doanh một cách có hiệu quả với nhiều ngành nghề kinh doanh đặc biệt là lĩnh vực xây dựng và thương mại.

Nhằm phục vụ cho hoạt động xây dựng và thương mại công ty nhập mặt hàng vật liệu xây dựng và nhiều loại máy móc liên quan đến công việc xây

dựng, công ty không những phân phối đến các đại lý để bán buôn bán lẻ, mặt khác để phục vụ cho các công trình xây dựng của công ty.

Về hoạt động xây dựng công ty tham gia tranh thầu các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng, sau khi trúng thầu ban GD làm việc với chủ đầu tư về thiết kế và giá thành của mỗi công trình để 2 bên thỏa thuận làm hợp đồng để có sự hợp tác tốt nhất. Sau khi công trình hoàn thành công ty sẽ bàn giao cho bên chủ đầu tư để nghiệm thu và kết thúc hợp đồng.

2.1.5 Thuận lợi, khó khăn và thành tích công ty đạt được trong những năm qua.

a. Thuận lợi

Do nền kinh tế đang tăng trưởng, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao cùng với chính sách đầu tư đã thúc đẩy việc kinh doanh của công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng ngày càng phát triển.

Qua những năm hoạt động công ty đã không ngừng trưởng thành và phát triển, cơ sở vật chất không ngừng nâng cao, áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, trên cơ sở đó nắm bắt thông tin nhanh nhạy hơn. Với thái độ nhã nhặn, nhiệt tình chu đáo của nhân viên bán hàng đã thu hút được nhiều khách hàng.

Ngày nay, trong điều kiện đổi mới về mọi mặt và tầm quan trọng của việc hạch toán kế toán công ty đã xây dựng một mô hình gọn nhẹ là bộ máy kế toán năng động và gắn chặt với quá trình kinh doanh của công ty.

Với những thuận lợi trên công ty đã lấy đó là điều kiện để tồn tại và phát triển, cải thiện đời sống công nhân viên trong toàn công ty.

b. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên trong những năm hoạt động công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng cũng gặp không ít khó khăn. Do công ty thành lập và đi vào hoạt động trong nền kinh tế thị trường mở nên phải đương đầu nhiều hơn với những thách thức thị trường và các đối thủ cạnh tranh.

Về khách quan trong công tác kế toán của công ty còn tồn tại mặt hạn chế còn khắc phục nhằm không ngừng củng cố và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán.

Tất cả những yếu tố trên đều có tác động trực tiếp, ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Để công ty ngày càng phát triển, không tụt hậu so với thời đại thì công ty cần phải đưa ra những giải pháp để làm hoàn thiện những mặt còn tồn tại của công ty đồng thời đưa ra chiến lược định hướng một tương lai mới ngày càng phát triển.

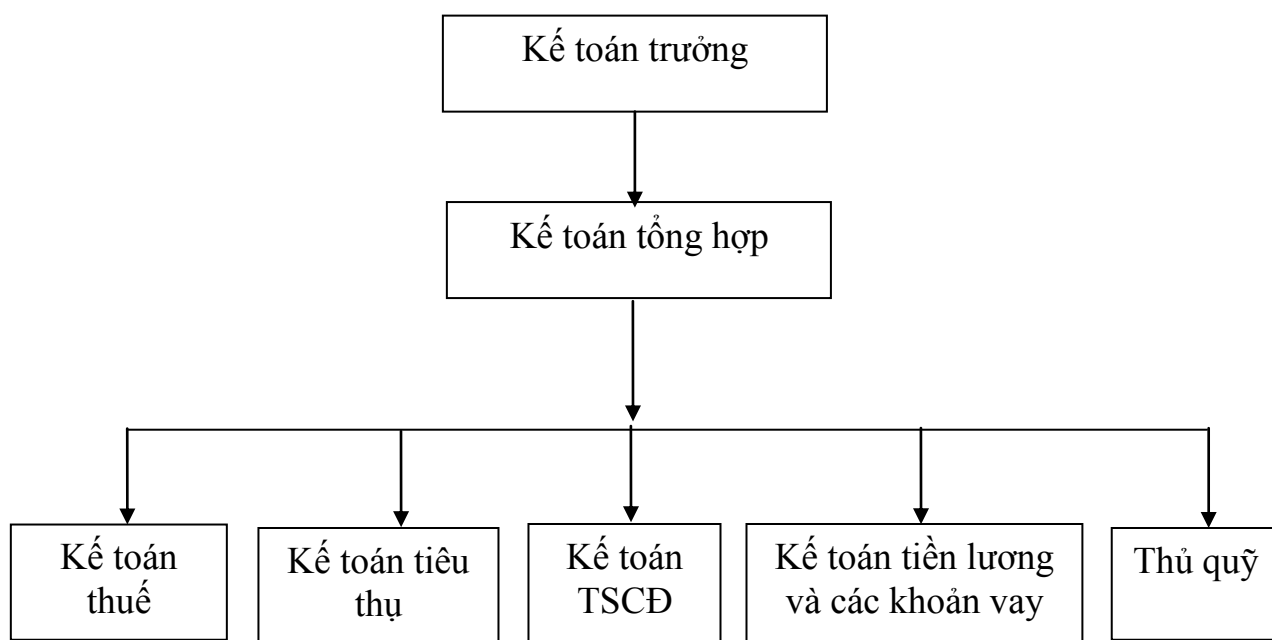
2.2 - ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TUẤN HÙNG

2.2.1. Cơ cấu bộ máy kế toán tại công ty.

Để đảm bảo việc tư vấn thiết kế diễn ra hiệu quả thì công ty đã sắp xếp đội ngũ kế toán có kinh nghiệm, năng động.

Sơ đồ 1.2

Bộ máy kế toán công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng



- **Kế toán trưởng:** chịu trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ, phù hợp với yêu cầu quản lý hướng dẫn, chỉ đạo kiểm tra công việc do kế toán viên thực hiện, tổ chức lập báo cáo theo yêu cầu quản lý, chịu trách nhiệm trước giám đốc và cấp trên về thông tin kế toán.

- **Kế toán tổng hợp:** có trách nhiệm tập hợp chi phí, tính giá thành và xác định kết quả kinh doanh.

- **Kế toán thuế:** trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh. Kiểm tra đối chiếu hóa đơn GTGT với bảng kê khai thuế đầu vào, đầu ra của từng cơ sở, hàng tháng lập báo cáo thuế.

- **Kế toán thanh toán:** theo dõi tiền mặt, các khoản vay, thanh toán với khách hàng và cán bộ nhân viên.

- **Kế toán vật tư- TSCĐ:** có trách nhiệm theo dõi tình hình nhập xuất tồn của vật tư, xác định chi phí nguyên vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình. Theo dõi tình hình biến động của TSCĐ, phản ánh đầy đủ kịp thời và chính xác số lượng TSCĐ, tình hình khấu hao, tính đúng chi phí sửa chữa và giá trị trang thiết bị.

- **Kế toán tiền lương và các khoản vay:** căn cứ vào bảng duyệt quỹ lương của các đội và của khối gián tiếp của công ty, kế toán tiến hành lập tập hợp bảng lương, thực hiện phân bổ, tính toán lương và các khoản phải tính cho cán bộ công nhân viên trong công ty. Theo dõi tiền vay và các khoản phải trả lãi ngân hàng. Nhân viên thống kê kế toán tại các đội- Kế toán tiền mặt – tiền gửi ngân hàng: Có nhiệm vụ mở sổ chi tiết theo dõi các khoản thu tiền mặt, TGNH và các khoản thanh toán cuối tháng, lập bảng kê thu chi và đối chiếu với kế toán tổng hợp.

- **Thủ quỹ:** căn cứ vào chứng từ thu chi đã được phê duyệt, thủ quỹ tiến hành phát, thu, nộp tiền ngân hàng, cùng với kế toán tiền mặt quản lý tiền của công ty.

2.2.2. Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Các nghiệp vụ kế toán chính phát sinh được tập trung ở phòng kế toán của công ty, thuộc dãy nhà văn phòng. Tại đây thực hiện việc tổ chức hướng dẫn và kiểm tra thực hiện toàn bộ phương pháp thu nhập xử lý thông tin ban đầu thực hiện đầy đủ chiến lược ghi chép ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ quản lý tài chính theo đúng quy định của Bộ tài chính, cung cấp một cách đầy đủ chính xác kịp thời những thông tin toàn cảnh về tình hình tài chính của công ty. Từ đó tham mưu cho Ban giám đốc để đề ra biện pháp các quy định phù hợp với đường lối phát triển của công ty.

Hiện nay công ty đang áp dụng hệ thống TK ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ 1/01 đến ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng : VNĐ.

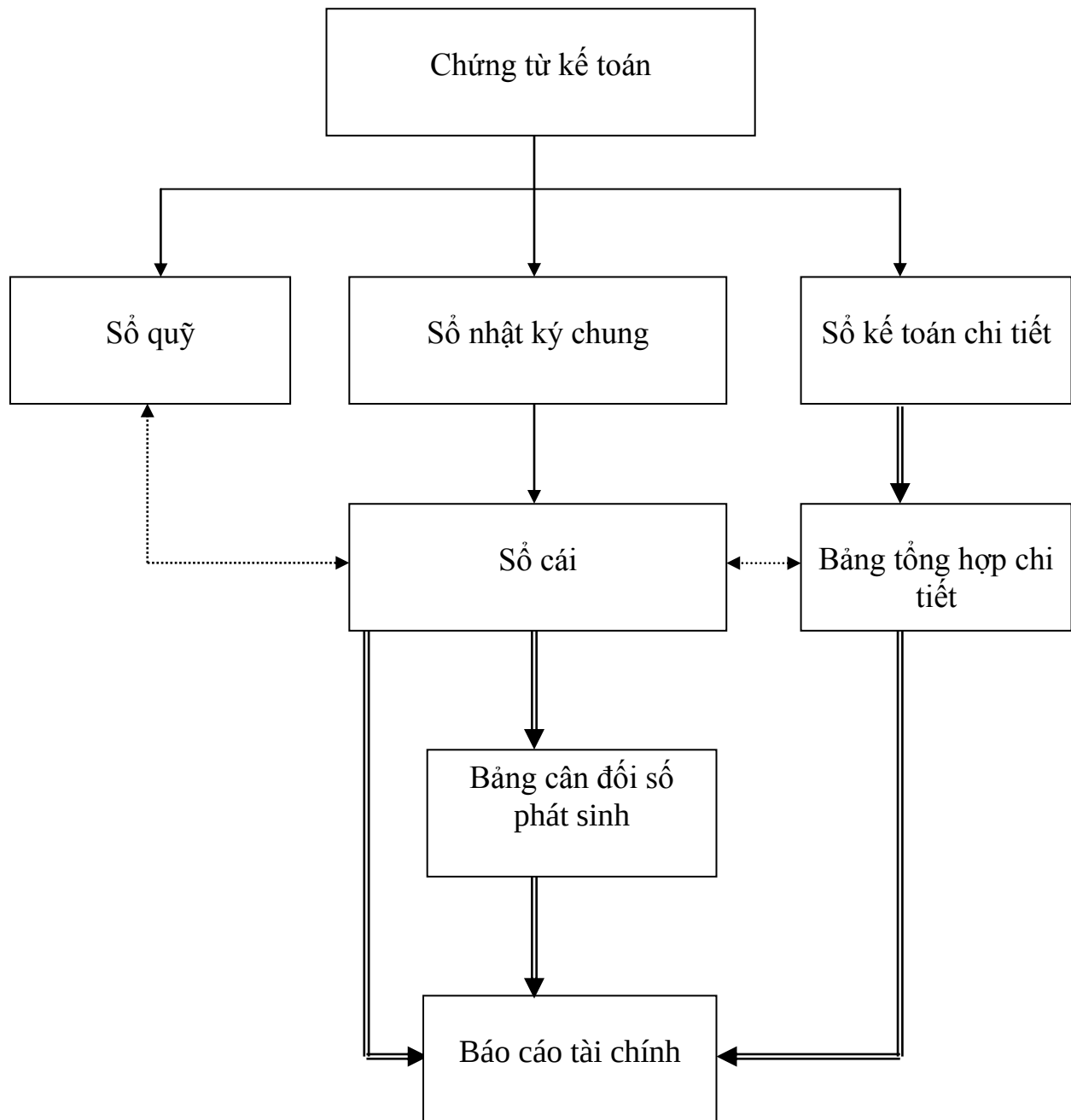
- Công ty tính thuế theo phương pháp khấu trừ. Hệ thống chứng từ và TK của công ty áp dụng theo đúng chuẩn mực kế toán : Phiếu thu, phiếu chi, giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi...

- Để đáp ứng nhu cầu quản lý, công ty đã sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung, là hình thức phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp. Theo hình thức này, hằng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra (các phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có,...) kế toán vào nhật ký chung, sổ chi tiết. Từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái các TK. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu được dùng để lập các báo cáo tài chính.

- Sổ sách sử dụng :

- + Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- + Sổ cái các TK
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty thể hiện theo sơ đồ sau:



SƠ ĐỒ : TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ←-----> Quan hệ đối chiếu kiểm tra
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

2.3. TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TUẤN HÙNG.

Vốn bằng tiền của công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ và TGNH. Trong các báo cáo vốn bằng tiền, công ty sử dụng thống nhất một đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam để phục vụ cho việc ghi chép. Trường hợp phát sinh các giao dịch liên quan đến ngoại tệ thì sẽ quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam để ghi chép kế toán. Tại công ty không phát sinh các hoạt động về tiền mặt là ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại công ty được chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước.

Thủ quỹ đảm nhận việc thu chi tiền mặt ở quỹ của công ty. Khi phát sinh nghiệp vụ về tiền mặt, kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi. Phiếu thu, phiếu chi được lập làm 2 đến 3 liên đầy đủ nội dung, có chữ ký của người thu, người nhận, người cho phép xuất nhập quỹ, sau đó chuyển cho kế toán trưởng duyệt (*riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị*). Một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu hoặc chi tiền. Sau khi nhập hoặc xuất tiền thủ quỹ phải đóng dấu đã thu hoặc đã chi và ký tên vào phiếu thu, giữ một liên để ghi sổ quỹ, một liên giao cho người nộp hoặc nhận tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.

Phiếu chi được kèm với HĐGTGT (Liên 2: Giao cho khách hàng)

Phiếu thu được kèm với HĐGTGT (Liên 3: Nội bộ)

2.3.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng.

2.3.1.1. TK sử dụng

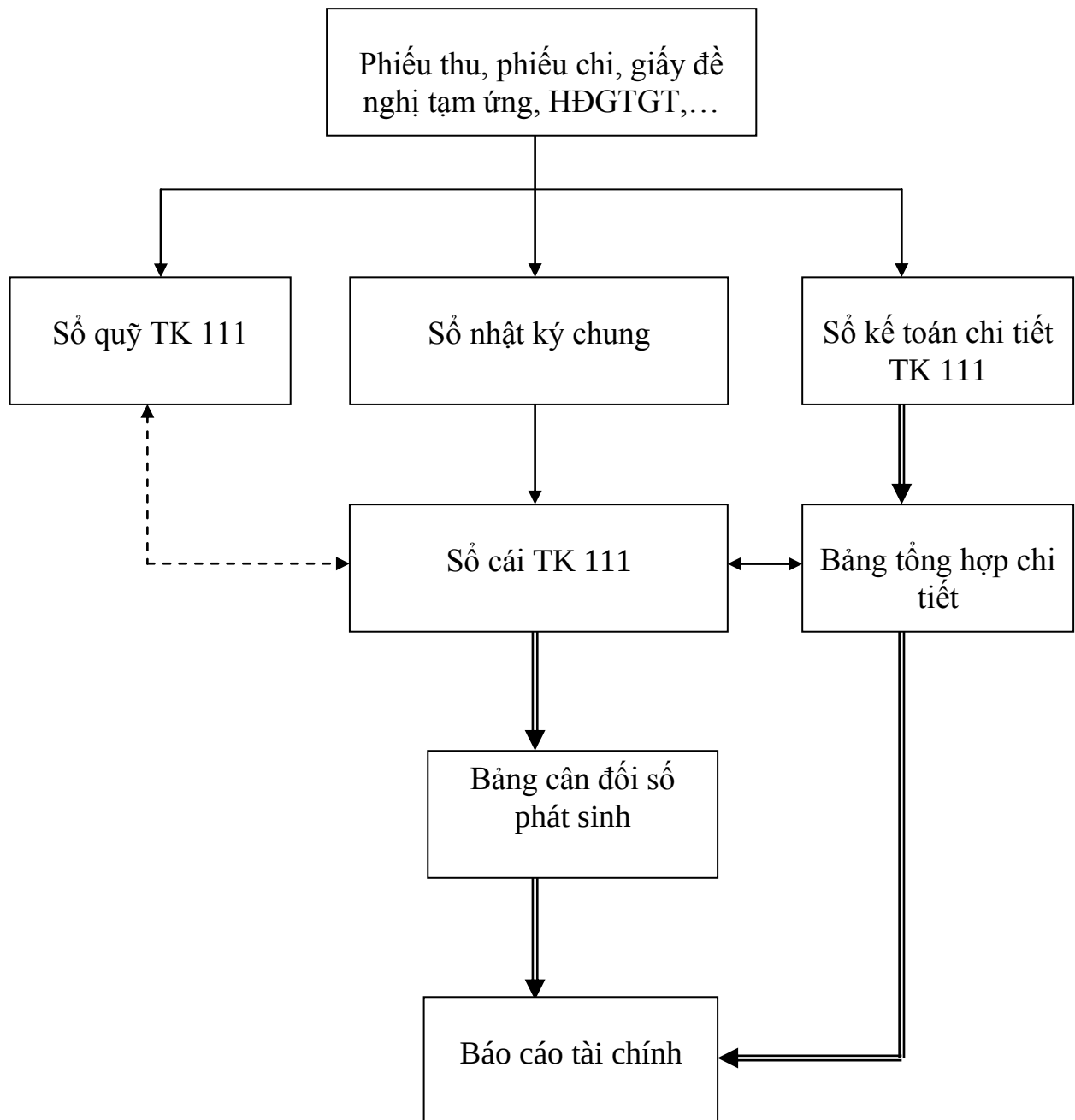
TK 111 – Tiền mặt

2.3.1.2 Các chứng từ và sổ sách công ty sử dụng trong kế toán tiền mặt.

- Phiếu thu, phiếu chi, hóa đơn GTGT, giấy nộp tiền, giấy thanh toán tiền, biên lai thu tiền, giấy đề nghị tạm ứng, sổ quỹ tiền mặt, sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt, sổ nhật ký chung, sổ cái các TK, các sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết liên quan...

2.3.1.3 Quy trình luân chuyển chứng từ.

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền mặt tại công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



SƠ ĐỒ : TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN

Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ◄-----> Quan hệ đối chiếu kiểm tra
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Khi có nghiệp vụ thu chi tiền mặt xảy ra, kế toán sẽ căn cứ vào hóa đơn bán hàng hoặc mua hàng để lập phiếu thu, phiếu chi, sau đó phiếu thu hoặc phiếu chi sẽ được chuyển cho thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán đồng thời ghi sổ quỹ. Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi kế toán tổng hợp sẽ vào sổ nhật ký chung, vào sổ chi tiết TK tiền mặt, từ sổ nhật ký chung sẽ vào sổ cái tiền mặt, cuối mỗi quý căn cứ vào sổ chi tiết và sổ cái đã lập kế toán vào sổ tổng hợp chi tiết, bảng cân đối TK và báo cáo kế toán cho quý đó.

2.3.1.4 Kế toán chi tiết một số nghiệp vụ :

a. Các nghiệp vụ giảm tiền mặt

VD1: Ngày 2/6/2012 công ty mua một số hàng hóa thiết bị phục vụ sửa chữa lắp đặt công trình nhà văn phòng công ty giấy da Sao Vàng, kế toán công ty dựa vào hóa đơn GTGT, phiếu chi để ghi sổ chi tiết TK 111, nhập vào sổ nhật ký chung và ghi sổ cái TK 111.

HÓA ĐƠN				Mẫu số: 01GTKT3/001																	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Ký hiệu: AA/11P																	
Liên 3: Nội bộ				Số: 0046802																	
Ngày 2 tháng 06 năm 2012																					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần điện cơ Nhâm Mát																					
Đại chỉ:																					
Số tài khoản:																					
Điện thoại:.....MS:																					
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>2</td><td>4</td><td>0</td><td>8</td><td>3</td><td>5</td><td>6</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>								0	2	0	2	4	0	8	3	5	6				
0	2	0	2	4	0	8	3	5	6												
Họ tên người mua hàng:.....																					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng																					
Số tài khoản:																					
Hình thức thanh toán:.....MS:																					
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>8</td><td>0</td><td>9</td><td>3</td><td>6</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>								0	2	0	1	0	8	0	9	3	6				
0	2	0	1	0	8	0	9	3	6												
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																
A	B	C	1	2	3																
1	Bộ phận điều khiển của	Bộ	01	10.000.000	10.000.000																
2	Motor điện	Chiếc	01	4.500.000	4.500.000																
3	Bộ biến áp	Chiếc	01	4.000.000	4.000.000																
4	Sensor cảm biến	Chiếc	01	1.000.000	1.000.000																
Cộng tiền hàng: 19.500.000																					
Thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 1.950.000																	
Tổng cộng tiền thanh toán: 21.450.000																					
Số tiền viết bằng chữ: Hai một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn																					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)																	

Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng
Số 41 khu 8 Thị trấn Tiên Lãng – Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-
BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 02 tháng 06 năm 2012 Quyền số:.....

Số: PC01/06

Nợ TK156 19.500.000

Nợ TK133 1.950.000

Có TK111 21.450.000

Họ và tên người nhận tiền: Lê Thị Lan

Địa chỉ: Phòng kế toán Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng

Lý do chi: Mua hàng hóa

Số tiền: 21.450.000 (viết bằng chữ): Hai một triệu bốn trăm năm mươi nghìn
đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 02 tháng 06 năm 2012

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng
dấu)

**Kế toán
trưởng**
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

**Người nhận
tiền**
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai một triệu bốn trăm năm mươi nghìn
đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

VD 2: Ngày 03/06/2012 anh Trần Văn Nam xin tạm ứng 10.000.000 đ đi công tác miền nam 1 tuần. Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng đã được duyệt, kế toán viết phiếu chi

Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng
Số 41 khu 8 Thị trấn Tiên Lãng – Hải Phòng

Mẫu số: 03 – TT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 03 tháng 06 năm 2012

Số: 25

Kính gửi: Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng

Tên tôi là: Trần Văn Nam

Địa chỉ: Phòng kỹ thuật

Đề nghị cho tạm ứng số tiền: 10.000.000 đ (Viết bằng chữ): Mười triệu đồng chẵn

Lý do tạm ứng: đi công tác

Thời gian thanh toán : 15/06/2012

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Người đề nghị thanh toán
(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng

Mẫu số: 03 – TT

Số 41 khu 8 Thị trấn Tiên Lãng – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 03 tháng 06 năm 2012

Quyển số:.....

Số: PC02/06

Nợ TK141 10.000.000

Có TK111 10.000.000

Họ và tên người nhận tiền: Trần Văn Nam

Địa chỉ: Phòng kỹ thuật công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng

Lý do chi: Tạm ứng đi công tác

Số tiền: 10.000.000 (Viết bằng chữ): Mười triệu đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 03 tháng 06 năm 2012

Giám đốc

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán

trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người lập

phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận

tiền
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười triệu đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

VD 3: Ngày 29/6/2012, công ty thanh toán tiền lương công nhân thuê ngoài phục vụ công trình xây dựng nhà xưởng công ty Hoàng Tùng

Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng

**Bảng tính lương CN thuê ngoài tháng 6/2012
công trình xây dựng công ty Hoàng Tùng**

STT	Họ và tên	Số công	Số tiền/1công	Thành tiền
1	Phạm Tuấn Vũ	10	250.000	2.500.000
2	Nguyễn Văn Thắng	10	250.000	2.500.000
3	Nguyễn Văn Giang	8	220.000	1.760.000
4	Trần Văn Hoàn	9	220.000	1.980.000
	Tổng			8.740.000

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng

Mẫu số: 02 – TT

Số 41 khu 8 Thị trấn Tiên Lãng – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 29 tháng 06 năm 2012 Quyền số:.....

Số: PC25/06

Nợ TK141 8.740.000

Có TK111 8.740.000

Họ và tên người nhận tiền: Lê Thị Lan

Địa chỉ: Phòng kế toán Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng

Lý do chi: Thanh toán lương cho công nhân thuê ngoài

Số tiền: 8.740.000 (Viết bằng chữ): Tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng
chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Giám đốc

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán

trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 06 năm 2012

Người lập

phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận

tiền

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng
chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

b. Các nghiệp vụ tăng tiền mặt:

VD 1: Ngày 5/6/2012, công ty bán một máy trộn bê tông Cường Phát CP1B 2008 cho công ty xây dựng Thu Anh thu tiền ngay. Dựa vào hóa đơn GTGT, kế toán viết phiếu thu

HÓA ĐƠN				Mẫu số: 01GTKT3/001													
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Ký hiệu: AA/11P													
Liên 3: Nội bộ				Số: 0046806													
Ngày 5 tháng 6 năm 2012																	
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng Đại chỉ: Số 41 khu 8 Thị trấn Tiên Lãng – Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại:.....MS:																	
				0	2	0	1	0	8	0	9	3	6				
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: Công ty xây dựng Thu Anh Số tài khoản: Hình thức thanh toán:.....MS:																	
				0	2	0	0	0	0	3	8	7	9				
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3												
1	Máy trộn bê tông Cường Phát CP1B 2008	Cái	01	15.500.000	15.500.000												
					Cộng tiền hàng: 15.500.000												
Thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 1.550.000													
Tổng cộng tiền thanh toán: 17.050.000																	
Số tiền viết bằng chữ: <i>Mười bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.</i>																	
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>													

Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng
Số 41 khu 8 Thị trấn Tiên Lãng – Hải Phòng

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 05 tháng 06 năm 2012

Quyển số:.....

Số: PT03/06

Nợ TK111 17.050.000

Có TK511 15.500.000

Có TK3331 1.550.000

Họ và tên người nộp tiền: Trần Thị Huyền Trang

Địa chỉ: Công ty xây dựng Thu Anh

Lý do thu: Thu tiền bán hàng theo HĐ 076167

Số tiền: 17.050.000 (Viết bằng chữ): *Mười bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Giám đốc

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Ngày 05 tháng 06 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): *Mười bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

VD 2: Ngày 11/6/2012, công ty thu hồi lại số tạm ứng thừa giao cho anh Nguyễn Văn Tiến đi mua ti vi phục vụ cho phòng bảo vệ theo dõi camera ngày 10/6/2012. Trước khi thanh toán anh Tiến đã viết giấy thanh toán tiền tạm ứng và nộp hóa đơn mua hàng để chứng minh số đã chi và xác định số hoàn ứng còn lại.

Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng

Mẫu số: 04 – TT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Giấy thanh toán tiền tạm ứng

Ngày 11 tháng 06 năm 2012

Số: 33

Nợ TK111 5.865.000

Có TK141 5.865.000

Họ và tên người thanh toán: Nguyễn Văn Tiến

- Bộ phận: Phòng hành chính

- Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây:

Diễn giải	Số tiền
I. Số tiền tạm ứng	20.000.000
1. Số tiền tạm ứng kỳ trước chi không hết	
2. Số tạm ứng kỳ này	20.000.000
- Phiếu chi số: PC09/06 ngày 10 tháng 06 năm 2012	20.000.000
II. Số tiền đã chi:	14.135.000
1. Chứng từ HĐGTGT số 0035479 ngày 10/6/2012	14.135.000
2.....	
III. Chênh lệch	5.865.000
1. Số tạm ứng chi không hết (I – II)	5.865.000
2. Chi quá số tạm ứng (II – I)	

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng
dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Kế toán thanh toán
(Ký, họ tên)

**Người đề nghị
thanh toán**
(Ký, họ tên)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: giao khách hàng				Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11P Số: 0035479																	
Ngày 10 tháng 06 năm 2012																					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thương mại và vận tải CPN Việt Nam Đại chỉ: 7 lô 22A Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại:.....MS:																					
				<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>2</td><td>4</td><td>0</td><td>8</td><td>3</td><td>5</td><td>6</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>				0	2	0	2	4	0	8	3	5	6				
0	2	0	2	4	0	8	3	5	6												
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng Số tài khoản: Hình thức thanh toán:.....MS:																					
				<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>8</td><td>0</td><td>9</td><td>3</td><td>6</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>				0	2	0	1	0	8	0	9	3	6				
0	2	0	1	0	8	0	9	3	6												
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																
A	B	C	1	2	3																
1	Tivi SamSung LA32C550JG – 32 inch	Chiếc	01	12.850.000	12.850.000																
					Cộng tiền hàng: 12.850.000																
Thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 1.285.000																	
Tổng cộng tiền thanh toán: 14.135.000																					
Số tiền viết bằng chữ: <i>Mười bốn triệu một trăm ba mươi năm nghìn đồng chẵn.</i>																					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>																	

Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng

Mẫu số: 01 – TT

Số 41 khu 8 Thị trấn Tiên Lãng – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 11 tháng 06 năm 2012

Quyển số:.....

Số: PT11/06

Nợ TK111 5.865.000

Có TK141 5.865.000

Họ và tên người nộp tiền: Ngô Hải Thái

Địa chỉ: Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng

Lý do thu: Thu hồi tạm ứng thừa

Số tiền: 5.865.000 (Viết bằng chữ): Năm triệu tám trăm sáu mươi năm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 02 chứng từ gốc.

Ngày 11 tháng 06 năm 2012

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Năm triệu tám trăm sáu mươi năm nghìn đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Phiếu thu, phiếu chi hàng ngày được chuyển cho thủ quỹ để thực hiện thanh toán và vào sổ quỹ tiền mặt, sau đó chứng từ sẽ tiếp tục được chuyển cho kế toán để vào sổ nhật ký chung, đồng thời vào sổ quỹ tiền mặt, từ sổ NKC kế toán tiếp tục vào sổ cái TK 111.

Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng**Mẫu số: SO5a – DNN****Số 41 khu 8 Thị trấn Tiên Lãng – Hải Phòng****(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC****Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)****SỔ QUỸ TIỀN MẶT****Tháng 06 năm 2012****Đơn vị tính: VNĐ**

NT Ghi số	NT Chứng từ	SH chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
A	B	C	D	E	1	2	3
				Số dư đầu tháng			<u>2.070.000.000</u>
01/06	01/06		GBC560	Nộp tiền vào ngân hàng TMCP Hàng Hải		70.000.000	2.000.000.000
01/06	01/06	PT01/0 6		Công ty Thu Anh trả tiền	20.000.000		2.020.000.000
02/06	02/06		PC02/06	Chi mua vật tư		21.450.000	1.998.550.000
03/06	03/06		PC03/06	Chi tạm ứng		10.000.000	1.988.550.000
04/06	04/06	GBN59 4		Rút TGNH về nhập quỹ TM	500.000.000		1.993.550.000
05/06	05/06	PT03/0 6		Bán hàng thu tiền	17.050.000		2.010.600.000
.....							
10/06	10/06		PC09/06	Chi tạm ứng cho nhân viên mua tủ vi		20.000.000	2.385.000.000
11/06	11/06	PT11/0 6		Thu hồi tạm ứng thừa	5.865.000		2.390.865.000
.....							
29/06	29/06		PC25/06	Thanh toán lương cho công nhân thuê ngoài		8.740.000	2.671.890.000
30/06	30/06		Căn cứ BTL để HT tiền	Thanh toán lương cho CBCNV		125.950.0000	2.545.940.000
				Cộng phát sinh	1.140.600.000	977.160.000	
				Cộng lũy kế PS từ đầu năm	10.630.560.000	9.390.520.000	
				Số dư cuối tháng			<u>2.233.440.000</u>

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến số trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ quỹ

(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký,họ tên)

Giám đốc

(Ký,họ tên)

Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng**Mẫu số: S03a – DNN****Số 41 khu 8 Thị trấn Tiên Lãng – Hải Phòng****(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC****Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)****NHẬT KÝ CHUNG****Tháng 06 năm 2012**

NT Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày Tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	x				54.819.437.847	54.819.437.847
01/06	GBC560	01/06	Nộp tiền vào ngân hàng TMCP Hàng Hải	x		112	111	70.000.000	70.000.000
01/06	PT01/06 HD0047580	01/06 20/06	Công ty Thu Anh trả tiền	x		111	131	20.000.000	20.000.000
02/06	PC02/06 HD0046802	02/06	Chi mua vật tư hàng hóa	x		156		19.500.000	
						133		1.950.000	
							111		21.450.000
03/06	PC03/06	03/06	Chi tạm ứng	x		141	111	10.000.000	10.000.000
04/06	GBN594	04/06	Rút TGNH về nhập quỹ TM	x		111	112	500.000.000	500.000.000
05/06	PT03/06	05/06	Bán hàng thu tiền	x		111		17.050.000	
							511		15.500.000
							3331		1.550.000
.....									
10/06	PC09/06	10/06	Chi tạm ứng cho nhân viên mua ti vi	x		141	111	20.000.000	20.000.000
11/06	PT11/06	11/06	Thu hồi tạm ứng thừa	x		111	141	5.865.000	5.865.000
....									
29/06	PC25/06	29/06	Thanh toán lương cho công nhân thuê ngoài	x		334	111	8.740.000	8.740.000
29/06	Bảng tính lương T6	29/06	Trả lương cho nhân viên	x		334	111	125.950.000	125.950.000
30/06	GBC750	30/06	Thu hồi nợ của công ty CP Thuận Lợi	x		112	131	470.130.000	470.130.000
			Cộng phát sinh tháng 6					8.242.654.000	8.242.654.000
			Cộng chuyển trang sau					63.062.091.847	63.062.091.847

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến số trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày....tháng.....năm.....

Thủ quỹ
(Ký,họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký,họ tên)**Giám đốc**
(Ký,họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng
Số 41 khu 8 Thị trấn Tiên Lãng – Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 111 – Tiền mặt
Trích Tháng 06 năm 2012

Ngày Tháng Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký Chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày Tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu tháng				<u>2.070.000.000</u>	
01/06	GBC560	01/06	Nộp tiền vào ngân hàng TMCP Hàng Hải			112		70.000.000
01/06	PT01/06	01/06	Công ty Thu Anh trả tiền			131	20.000.000	
02/06	PC02/06	02/06	Chi mua vật tư			156		19.500.000
						133		1.950.000
03/06	PC03/06	03/06	Chi tạm ứng			141		10.000.000
04/06	GBN594	04/06	Rút TGNH về nhập quỹ TM			112	500.000.000	
05/06	PT03/06	05/06	Bán hàng thu tiền			511	15.500.000	
						3331	1.550.000	
.....				...		...		
10/06	PC09/06	10/06	Chi tạm ứng cho nhân viên mua ti vi			141		20.000.000
11/06	PT11/06	11/06	Thu hồi tạm ứng thừa			141	5.865.000	
.....				...		...		
29/06	PC25/06	29/06	Thanh toán lương cho công nhân thuê ngoài			334		8.740.000
29/06	Bảng tính lương T6	29/06	Trả lương cho nhân viên			334		125.950.000
.....				...		...		
			Cộng phát sinh				1.140.600.000	977.160.000
			Cộng lũy kế phát sinh từ đầu năm				10.630.560.000	9.390.520.000
			Số dư cuối tháng				<u>2.233.440.000</u>	

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến số trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày....tháng.....năm.....

Thủ quỹ
 (Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký,họ tên)

Giám đốc
 (Ký,họ tên)

2.3.2. Kế toán TGNH tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng

- Tiền gửi ngân hàng là số tiền tạm nhận rồi của doanh nghiệp đang gửi tại ngân hàng, kho bạc hay công ty tài chính.
- Tiền gửi ngân hàng của công ty phần lớn được gửi tại ngân hàng để thực hiện công việc thanh toán một cách an toàn và tiện dụng. Lãi thu từ tiền gửi ngân hàng được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.
- Tiền gửi ngân hàng của công ty hầu như được sử dụng để thanh toán các nghiệp vụ có giá trị từ lớn.

2.3.2.1. Tài khoản sử dụng:

TK 112 – tiền gửi ngân hàng

Kết cấu TK 112

Bên nợ: Phản ánh các khoản tiền gửi vào ngân hàng.

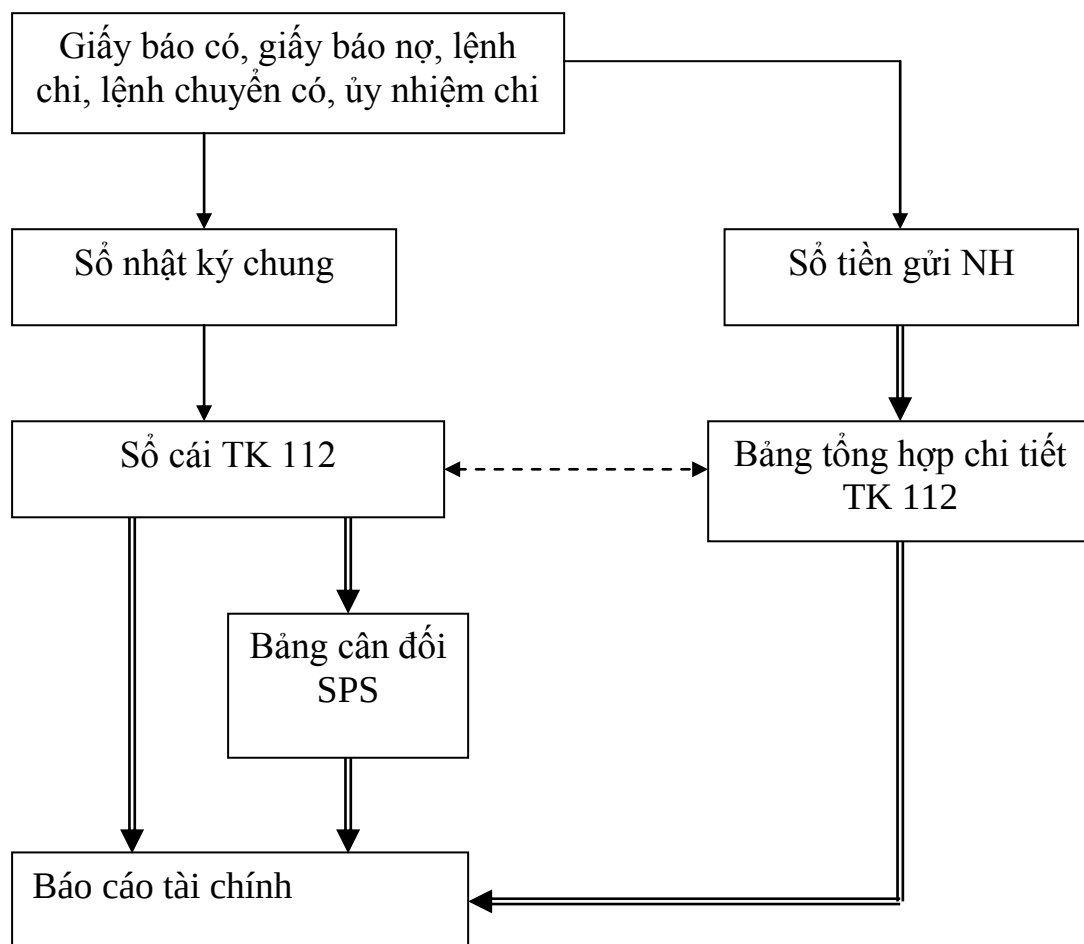
Bên có : Phản ánh các khoản tiền rút ra từ ngân hàng.

2.3.2.2 các chứng từ và sổ sách Công ty sử dụng trong kế toán TGNH:

- Giấy báo nợ, giấy báo có.
- Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.
- Sổ phụ ngân hàng, sổ nhật ký chung, sổ cái TK 112.

2.3.2.3 Quy trình luân chuyển chứng từ:

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán



Sơ đồ 10: Quy trình hạch toán vốn bằng tiền gửi ngân hàng

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng, hoặc định kì
- ◄-----> Đối chiếu

Giải thích: Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, sau khi đã kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ, kế toán lập ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu và tiến hành ghi sổ sách liên quan. Đến cuối quý, căn cứ vào các chứng từ sổ sách, kế toán tổng hợp lập lên báo cáo tài chính.

Các nghiệp vụ giảm tiền gửi ngân hàng

VD 1. Ngày 21/06/2012 Công ty rút tiền từ tài khoản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Hải Phòng về nhập quỹ tiền mặt số tiền là: 55.000.000 VNĐ.

Kế toán định khoản: Nợ 111: 55.000.000

Có 112: 55.000.000

Sau khi làm thủ tục rút tiền tại ngân hàng người rút tiền lĩnh tiền về Công ty nộp lại cho thủ quỹ. Đồng thời kế toán lập phiếu thu chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ tiền mặt.

Sau khi hoàn thành thủ tục rút tiền thì ngân hàng sẽ gửi sổ phụ khách hàng và giấy báo nợ về Công ty

NGÂN HÀNG
TMCP HÀNG HẢI
Chi nhánh: Hải Phòng

GIẤY LĨNH TIỀN MẶT
Ngày 21 tháng 06 năm 2012

Số:
KHTK:

Họ tên khách hàng: Nguyễn Thị Thanh Vân

Địa chỉ: Số 41 – Khu 8 Thị Trấn Tiên Lãng - Hải Phòng

CMT (Hộ chiếu) số: 0313298707 Ngày 25/12/2001

Nơi cấp: Công an Hải Phòng

Tài khoản số: 02001019000263

*Tên tài khoản: Công ty cổ phần xây dựng
và thương mại Tuấn Hùng*

Tại ngân hàng: TMCP Hàng Hải - Hải Phòng

*Yêu cầu cho rút tiền (bằng chữ) : Năm mươi năm triệu
đồng chẵn*

Nội dung: Rút tiền mặt

Tài khoản ghi nợ

Mã ngân hàng
12987

Số tiền bằng số
55.000.000

.....

**Kế toán
trưởng**

**Chủ tài
khoản**

Người lĩnh tiền
(Đã nhận đủ tiền)

Thủ quỹ

Kế toán

Kiểm soát

Giám đốc

Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ĐC: Số 41- Khu 8 Thị Trấn Tiên Lãng – Tp Hải Phòng Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC
MST: 0201080936

PHIẾU THU
Ngày 21/06/2012

Số CT 153
TK nghi nợ 111
TK nghi có 112

Người ngân tiền: Nguyễn Thị Thanh Vân

Địa chỉ: Thủ quỹ

Lí do: Rút tiền từ ngân hàng TMCP Hàng Hải về nhập quỹ tiền mặt

Số tiền: 55.000.000 đ.

Bằng chữ: Năm mươi năm triệu đồng chẵn.

Giấy giới thiệu số: Ngày...../.....

Ngày 21 tháng 06 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Kế toán thanh toán	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Ngân hàng TMCP Hàng Hải
MST: 0200124891

Số 225/ 2012
Trang 1/1

SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG

(Ngày 21 tháng 06 năm 2012)

Số tài khoản: 02001019000263

Loại tiền: VNĐ

Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Khách hàng: Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng

Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có
	Số dư đầu ngày			645.500.000
21/06/2012	Rút tiền từ tài khoản ngân hàng	TT 1035503398	55.000.000	
	Số dư cuối ngày			590.500.000

Kế toán

Kiểm soát

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI

Mã GDV

MST: 020001244891

Mã KH: 12987

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 21 tháng 06 năm 2012

Kính gửi: Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng

Hôn nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi nợ: 02001019000263

Số tiền bằng số: 55.000.000

Số tiền bằng chữ: Năm mươi năm triệu đồng chẵn

Nội dung: Rút tiền từ tài khoản

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Khóa luận tốt nghiệp

VD 2: Ngày 22/06/2012 thanh toán tiền mua hàng cho công ty cổ phần thương mại và xây lắp điện Ngọc Lý số tiền 48.180.000 theo HĐ 0067766 ngày 01/12/2012 bằng chuyển khoản.

Kế toán viết ủy nhiệm chi gửi lên ngân hàng yêu cầu chuyển tiền thanh toán cho công ty cổ phần thương mại và xây lắp điện Ngọc Lý. Sau khi thực hiện chuyển khoản ngân hàng sẽ gửi sổ phụ khách hàng và giấy báo nợ cho công ty.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 331:48.180.000

Có TK 112:48.180.000

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01/GTKT/3 LL			
Liên 2: Giao khách hàng		MV/2012B			
Ngày 01 tháng 06 năm 2012		0067766			
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thương mại và xây lắp điện Ngọc Lý					
Địa chỉ: Tiên Tiến – Tiên Lãng – Hải Phòng					
Số tài khoản: 165756600103 ngân hàng VP Bank Hải Phòng.....					
Điện thoại: MS: 02007219477.....					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Tiến					
Đơn vị mua hàng: Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn hùng.....					
Địa chỉ: số 41- Khu 8 Thị trấn Tiên Lãng – Hải Phòng.....					
Số tài khoản:.....Ngân hàng TMCP Hàng Hải					
Hình thức thanh toán: CK.....MS:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Dây đơn PVC 70	M	100	187.700	18.770.000
	Dây đơn PVC 50	M	100	136.300	13.630.000
	Dây PVC 25	M	100	70.000	7.000.000
	Dây PVC 16	M	100	44.000	4.400.000
Cộng tiền hàng					43.800.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					4.380.000
Tổng cộng tiền thanh toán					48.180.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	

Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng

Mẫu số 02

Địa chỉ: số 41- Khu 8 Thị trấn Tiên Lãng – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Số: 10

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 01 tháng 06 năm 2012

Nợ TK: 152

Nợ TK: 133

Có TK: 112

Họ và tên người giao hàng: Trần Văn Nam

Hóa đơn: Số 0067766

Lý do nhập hàng: Nhập dây điện

NHập vào kho: Số 01

Biển bản kiểm nghiệm số 09/KHKT

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Trên hóa đơn	Thực nhập		
	Dây đơn PVC 70	M	100	100	187.700	18.770.000
	Dây đơn PVC 50	M	100	100	136.300	13.630.000
	Dây PVC 25	M	100	100	70.000	7.000.000
	Dây PVC 16	M	100	100	44.000	4.400.000
	Cộng					43.800.000

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng.

Ngày 01 tháng 06 năm 2012

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người giao hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ kho
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY NHIỆM CHI

Số

Chuyển khoản, chuyển tiền, thư điện

Ngày lập: 22/06/2012

Tên đơn vị trả tiền: Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng

Số TK:.....

Tên ngân hàng: TMCP Hàng Hải – tỉnh/ TP Hải phòng

Tên đơn vị nhận tiền: Công ty cổ phần thương mại và xây

Lắp điện Ngọc Lý.

Số TK: 16575600103

Tại ngân hàng: VP Bank Hải Phòng

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm tám mươi nghìn đồng

Nội dung thanh toán: Trả tiền mua thiết bị điện

Phần do NH ghi

Tài khoản nợ

Tài khoản có

Số tiền bằng số

48.180.000đ

Đơn vị trả tiền

Ngân hàng A

Kế toán

Chủ tài khoản

Kế toán

Ghi sổ ngày 22/06/2012

Trưởng phòng kế toán

Ngân hàng TMCP Hàng Hải

Số 225/ 2012

MST: 0200124891

Trang 1/1

SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG

(Ngày 22 tháng 06 năm 2012)

Số tài khoản: 02001019000263

Loại tiền: VNĐ

Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Khách hàng: Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng

Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có
	Số dư đầu ngày			785.500.000
22/06/2012	Chuyển tiền vào tài khoản 16575600103 ngân hàng VP Bank HP	FT 1035500342	48.180.000	
	Số dư cuối ngày			737.320.000

Kế toán**Kiểm soát**

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI

Mã GDV

MST: 020001244891

Mã KH: 12987

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 22 tháng 06 năm 2012

Kính gửi: Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng

Hôn nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi nợ: 02001019000263

Số tiền bằng số: 48.180.000

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn

Nội dung: Chuyển tiền thanh toán tiền hàng

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Khóa luận tốt nghiệp

VD 3: Ngày 30/06/2012 thanh toán tiền bơm bê tông cho công ty cổ phần thương mại Trang Anh ngày 21/06/2012.

UBNDTPHP Công ty Cổ phần xây lắp thương mại Trang Anh Số:	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
GIẤY GIỚI THIỆU Kính gửi: Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng Xin trân trọng giới thiệu ông/bà: Nguyễn Thị Lan Chức vụ: Thủ quỹ - được cử tới công ty về việc thanh toán tiền bê tông. Đề nghị các cơ quan hết sức giúp đỡ ông/bà: Lan (CMT: 0309228530) hoàn thành nhiệm vụ được giao. Giá trị đến hết ngày 30/06/2012 Ngày 30 tháng 06 năm 2012 Thủ trưởng đơn vị	

BẢNG THANH TOÁN TIỀN BÊ TÔNG CHO CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THƯƠNG MẠI	
Công trình: Trang Anh Vinashin	
1. Tổng khối lượng bê tông thực hiện từ ngày 15 đến 21 là:	
435.4M3	
2. Tổng khối lượng bê tông đã có HĐGTGT là:	377.6m3
3. Tổng khối lượng bê tông đủ điều kiện thanh toán theo HĐGTGT:	235.9m3
4. Tổng số tiền phải thanh toán: $235.9 * 540.000 = 127.386.000$	
5. Tổng số tiền đã thanh toán	60.00.000
6. Trừ khối lượng bê tông có kết quả thí nghiệm chưa đạt (Chưa thanh toán)	
$24.5 * 540.000 = 13.230.000$	
7. Tổng số tiền còn lại phải thanh toán	54.156.000
Đề nghị thanh toán cho công ty cổ phần thương mại	40.000.000
Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2012 Người lập: Nguyễn Thanh Nam	

Ngân hàng TMCP Hàng Hải	LỆNH CHI Ngày 30 tháng 06 năm 2012	Số/ No:	Liên 1/ copy
Tên đơn vị trả tiền: Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng			
Tài khoản nợ: 02001019000263			
Tại ngân hàng: TMCP Hàng Hải – TP Hải Phòng			
Số tiền bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng chẵn		Số tiền bằng số: 40.000.000 đ	
Tên đơn vị nhận tiền: Công ty cổ phần thương mại Trang Anh			
Tài khoản có: 3003940001			
Tại ngân hàng: INDOVINA Bank – TP Hải Phòng			
Nội dung: Trả tiền bê tông bơm			
Ngày hoạch toán: 30/06/2012			
Giao dịch viên	Kiểm soát viên	Đơn vị trả tiền	

ỦY NHIỆM CHI		Số
Chuyển khoản, chuyển tiền, thư điện		Ngày lập: 30/06/2012
Tên đơn vị trả tiền: Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng		
Số TK:		
Tên ngân hàng: TMCP Hàng Hải – Tỉnh/ Hải Phòng		
Tên đơn vị nhận tiền: Công ty cổ phần thương mại Trang Anh		
Số TK: 3003940001		
Tại ngân hàng: INDOVINA. TỈNH, TP Hải Phòng		
Số tiền bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng chẵn		
Nội dung thanh toán: Trả tiền bơm bê tông		
Đơn vị trả tiền		Ngân hàng A
		Ghi sổ ngày 30/06/2012
Kế toán	Chủ tài khoản	Kế toán
		Trưởng phòng kế toán

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI

Mã GDV

MST: 020001244891

Mã KH: 12987

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Kính gửi: Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng

Hôn nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi nợ: 02001019000263

Số tiền bằng số: 40.000.000

Số tiền bằng chữ: : Bốn mươi triệu đồng chẵn

Nội dung: Rút tiền từ tài khoản

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

2.3.3. Các nghiệp vụ tăng tiền gửi ngân hàng

VD1: Ngày 23/06/2012 Công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng TMCP Hàng Hải số 695, số tiền 42.500.000 đồng của công ty TNHH Tuấn An thanh toán tiền công công trình.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 42.500.000 đ

Có TK 131: 42.500.000

Ngân hàng TMCP Hàng Hải			Số 227/ 2012	
MST: 0200124891			Trang 1/1	
SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG (Ngày 23 tháng 06 năm 2012)				
Số tài khoản: 02001019000263			Loại tiền: VNĐ	
Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán				
Khách hàng: Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng				
Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có
	Số dư đầu ngày			525.900.000
23/06/2012	Công ty TNHH Tuấn An chuyển tiền vào tài khoản công ty	FT 1035500345		42.500.000
	Số dư cuối ngày			568.400.000
Kế toán			Kiểm soát	

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI

Mã GDV

MST: 020001244891

Mã KH: 12987

GIẤY BẢO CỐ

Ngày 23 tháng 06 năm 2012

Kính gửi: Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có: 0200109000263

Số tiền bằng số: 42.500.000

Số tiền bằng chữ: : Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn

Nội dung: Công ty TNHH Tuấn An thanh toán tiền công trình.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng
Địa chỉ: Số 41, khu 8, Thị trấn Tiên Lãng, HP

Mẫu số: S08 – DN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng Hàng Hải.....

Số hiệu tài khoản nơi gửi: 1121.....

Ngày Tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đổi ứng	Số tiền			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại	
A	C	D	E		1	2	3	G
			Số dư tháng đầu				<u>3.560.000.000</u>	
			Số phát sinh trong kỳ					
01/06	BC561	01/06	Lãi ngân hàng	515	950.000.000		4.510.000.000	
.....								
21/06	BN609	21/06	Rút tiền từ ngân hàng	111		55.000.000	4.455.000.000	
22/06	BN610	22/06	Thanh toán tiền cho công ty cổ phần thương mại xây lắp điện Ngọc Lý	331		48.180.000	4.406.820.000	
23/06	BC695	23/06	Công ty TNHH Tuấn An thanh toán tiền công trình	131	42.500.000		4.449.320.000	
.....								
30/06	BN623	30/06	Thanh toán tiền bê tông cho công ty CP thương mại Trang Anh	331		40.000.000	4.409.320.000	
			Cộng số phát sinh trong kỳ	X	2.352.650.000	1.503.330.000		X
			Số dư cuối kỳ	X	X	X	<u>4.409.320.000</u>	X

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang....

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngàytháng.....năm....
Giám đốc
(Ký, họ tên,đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp**Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng****Mẫu số: S03a – DNN****Số 41 khu 8 Thị trấn Tiên Lãng – Hải Phòng****(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC****Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)****NHẬT KÝ CHUNG****Tháng 06 năm 2012**

NT Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Đồng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày Tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	x				54.819.437.847	54.819.437.847
01/06	GBC560	01/06	Nộp tiền vào ngân hàng TMCP Hàng Hải	x		112	111	70.000.000	70.000.000
02/06	GBN 563	02/06	Trả lãi vay ngân hàng Hàng Hải	x		635	112	934.666	934.666
....						...	...	...	
09/06	GBC 593	09/06	Công ty Thuận Lợi ứng trước tiền công trình			112	131	53.000.000	53.000.000
10/06	GBC 594	10/06	Công ty Trang Anh ứng trước tiền công trình			112	131	37.836.400	37.836.400
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
21/06	GBN 609 PT153	21/06	Rút tiền từ ngân hàng Hàng Hải về nhập quỹ tiền mặt	x		111	112	55.000.000	55.000.000
22/06	HD0067766 GBN 610	22/06	Thanh toán tiền mua hàng cho công ty CPTM Ngọc Lý	x		331	112	48.180.000	48.180.000
23/06	GBC 695 HD0087602	23/06	Công ty TNHH Tuấn An thanh toán tiền công trình			112	131	42.500.000	42.500.000
24/06	GBC 696 HD0087603	24/06	Công ty vận tải Trường Thành			112	131	750.000.000	750.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/06	BN 723	30/06	Thanh toán tiền bê tông cho công ty CPTM Trang Anh			331	112	40.000.000	40.000.000
			Cộng phát sinh tháng 6					8.242.654.000	8.242.654.000
			Cộng chuyển trang sau					63.062.091.847	63.062.091.847

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến số trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ quỹ
(Ký,họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký,họ tên)**Giám đốc**
(Ký,họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng
Số 41 khu 8 Thị trấn Tiên Lãng – Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 111 – Tiền mặt
Trích Tháng 06 năm 2012

Ngày Tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký Chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày Tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu tháng				<u>3.560.000.000</u>	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
10/06	GBC 594	10/06	Công ty Trang Anh ứng trước tiền công trình			131	37.836.400	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
21/06	GBN 609	21/06	Công ty rút tiền từ ngân hàng TMCP Hàng Hải về nhập quỹ tiền mặt			111		55.000.000
22/06	GBN 610	22/06	Thanh toán tiền hàng cho công ty cổ phần TM và xây lắp điện Ngọc Lý			331		48.180.000
23/06	GBC 695	23/06	Công ty TNHH Tuấn An thanh toán tiền công trình			131	42.500.000	
24/06	GBC 696	24/06	Thu tiền của công ty Thu Anh			131		750.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh				<u>2.352.650.000</u>	<u>1.503.330.000</u>
			Số dư cuối tháng				<u>4.409.320.000</u>	

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến số trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Ngày....tháng.....năm.....

Thủ quỹ
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Giám đốc
(Ký,họ tên)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI TUẤN HÙNG

3.1. Đánh giá chung về tình hình tổ chức quản lý kinh doanh, tổ chức kế toán nói chung cũng như công tác kế toán bằng tiền nói riêng tại công ty Tuấn Hùng.

3.1.1. Tình hình tổ chức quản lý kinh doanh, tổ chức kế toán vốn bằng tiền mặt tại công ty.

Bảy năm kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động kinh doanh đến nay, Công ty cổ phần xây dựng & TM Tuấn Hùng đã phải trải qua không ít khó khăn và thách thức để vươn lên tự khẳng định mình. Đặc biệt là trong điều kiện nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay. Nhưng chính những rào cản đó là những động lực để công ty nỗ lực, phát huy mọi thế mạnh của mình, từng bước vươn lên phát triển và khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Với sự năng động sáng tạo của đội ngũ quản lý và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, công ty đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu thị trường. Đó là kết quả của quá trình phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn công ty, kết quả đó không phải đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh về trình độ quản lý của đội ngũ lãnh đạo công ty. Trong quá trình kinh doanh của mình, Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nhiệm vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên.

Do khối lượng công việc hạch toán lớn nên lao động kế toán được phân công theo các phân hành kế toán. Việc phân công như vậy là rất phù hợp, tạo điều kiện cho kế toán viên chuyên môn hóa trong công việc, tích lũy kinh nghiệm, giải quyết các công việc thuộc phân hành của mình một cách nhanh chóng, tạo điều kiện cung cấp kịp thời các số liệu báo cáo lãnh đạo công ty khi cần thiết. Công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán đặc biệt là trong công tác quản lý vốn bằng tiền để tránh được gian lận thất thoát quỹ tiền mặt đồng thời sử dụng tốt nhất đồng vốn hiện có. Có thể nói mô hình kế toán mà

công ty đang áp dụng đã phát huy vai trò của nó, góp phần quan trọng vào việc phân công lao động một cách hợp lý, hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty trong việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh.

Công tác quản lý và kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của công ty. Chính nhờ sự nỗ lực và học hỏi không ngừng đó khiến cho công ty ngày một làm ăn có hiệu quả, uy tín của công ty ngày được nâng cao, hoạt động kinh doanh ngày càng mở rộng, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện và đóng góp một phần vào ngân sách Nhà nước.

3.1.2. Ưu điểm và nhược điểm của công tác kế toán vốn bằng tiền mặt tại công ty

a. Ưu điểm:

* Về công tác quản lý:

Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh vừa và nhỏ, công ty đã tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức một cách hợp lý, khoa học và hoạt động có nề nếp, phù hợp với loại hình và quy mô của doanh nghiệp. Đồng thời có những biện pháp quản lý một cách chặt chẽ công việc ở tất cả các khâu, từng bộ phận trong công ty một cách nhịp nhàng và có hiệu quả. Bên cạnh đó, công ty cũng bổ sung các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực tốt đồng thời có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động.

* Về tổ chức kế toán nói chung:

Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty gọn nhẹ và khoa học, hoạt động có nề nếp phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Mỗi nhân viên phụ trách một phần hành kế toán giúp cho công tác kế toán của Công ty được chuyên môn hóa, tiết kiệm thời gian chi phí và chính xác hơn, góp phần nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi

Khóa luận tốt nghiệp

cho việc kiểm tra, đối chiếu, phát hiện kịp thời những sai sót. Giúp ban lãnh đạo đánh giá được hiệu quả kinh doanh trong kỳ, qua đó xây dựng được kế hoạch kinh doanh phù hợp.

Đội ngũ cán bộ và nhân viên kế toán trong Công ty có trình độ nghiệp vụ, nắm vững và am hiểu các chế định kế toán, nhiệt tình yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc. trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao do thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy vi tính lên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, số liệu luôn chính xác.

Hiện nay Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng đang áp dụng hình thức nhật ký chung, hình thức này khá đơn giản về quy trình hạch toán và phù hợp với quy mô và điều kiện công tác kế toán tại Công ty.

Về điều kiện làm việc, Công ty đã đầu tư, trang bị cho bộ phận kế toán những trang thiết bị hiện đại. Mỗi kế toán viên đều được trang bị một máy vi tính riêng để mỗi người có thể hoàn thành công việc mình được giao một cách nhanh chóng và khoa học.

Sổ sách kế toán của Công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Dựa trên những quy định chuẩn mực kế toán, kế toán công ty còn sáng tạo tìm tòi, lập ra những sổ , bảng biểu kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của công ty.

Tất cả chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp khoa học gọn gàng đúng nội dung kinh tế và trình tự thời gian. Nhờ đó việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng chính xác.

*** Về công tác kế toán vốn bằng tiền:**

Vốn bằng tiền là một loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung lên rất dễ xảy ra tham ô lãng phí. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đó công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán, quản lý và sử dụng vốn bằng tiền.

Hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến vốn bằng tiền phát sinh luôn được cập nhật đầy đủ, chính xác ,kịp thời vào các loại sổ sách kế toán đúng

theo mẫu quy định của bộ tài chính. Quỹ tiền mặt được kiểm tra định kỳ nhằm phát hiện sai sót và hạn chế gian lận.

Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành và đã được chi tiết cho từng loại tiền. sự chi tiết đó đã cho phép ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của vốn bằng tiền, từ đó có thể ra quyết định một cách chính xác và hợp lý.

Mọi biến động của vốn bằng tiền đều có các giấy tờ chứng từ gốc hợp lệ.

Việc sử dụng vốn bằng tiền đúng mục đích, chế độ.

Đối với tiền gửi ngân hàng, kế toán liên hệ thường xuyên và có quan hệ tốt với ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với ngân hàng. Công ty cũng mở sổ theo dõi chi tiết tình hình biến động về tiền gửi theo từng ngân hàng, mỗi ngân hàng có một sổ theo dõi riêng khiến cho việc kiểm tra đối chiếu và quản lý dễ dàng, thuận tiện.

b. Nhược điểm:

Mặc dù công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng đã đáp ứng được các yêu cầu chung của chuẩn mực kế toán và phù hợp với tình hình thực tế của công ty nhưng vẫn còn tồn tại một số nhược điểm sau đây:

Việc công ty chỉ tập trung ghi toàn bộ vào nhật ký chung và sổ chi tiết mà chưa mở sổ nhật ký đặc biệt như: nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền... chưa thực sự là phương án tối ưu vì điều này sẽ khiến cho sổ nhật ký chung dày đặc, không tiện trong việc theo dõi các khoản thu chi trong kỳ kế toán.

Công ty chưa tận dụng hết hình thức thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng, vẫn còn thường xuyên thanh toán những khoản tiền mặt quá lớn. việc thanh toán tiền hàng bằng những khoản tiền lớn sẽ không an toàn cho quỹ tiền mặt và không kinh tế.

Công ty không sử dụng tài khoản 113- Tiền đang chuyển đây là một hạn chế cần khắc phục của công ty vì thực tế đã có nhiều trường hợp thủ tục mua

bán thanh toán đã hoàn tất nhưng công ty vẫn chưa nhận được tiền, chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng.

Trong nền kinh tế mở cửa hiện nay, quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế là tất yếu xảy ra tuy nhiên công ty vẫn chưa sử dụng tài khoản 1122 (tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ) và TK 1112 (Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ). Công ty nên chính thức đưa ngoại tệ vào hạch toán.

Hiện nay công ty chưa có một phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên doanh nghiệp vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được lao động của nhân viên kế toán và thời gian lập, ghi chép, tổng hợp số liệu và chuyển số. Nhất là vào cuối kỳ kế toán, khối lượng công việc là tương đối lớn, nhân viên kế toán phải làm thêm giờ, nếu không có phần mềm xử lý thì rất dễ xảy ra sai sót đáng tiếc.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng.

Nâng cao hiệu quả đồng vốn bằng tiền chính là một trong các biện pháp tích cực phát triển hoạt động kinh doanh của công ty. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền không những cần phát huy những điểm mạnh mà còn phải hạn chế những tồn tại yếu kém để từng bước hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền.

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ theo các yêu cầu sau:

Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành.

Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời chính xác.

Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả.

Sau đây là một vài ý kiến đóng góp của em với công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng.

3.2.1 Hoàn thiện về hệ thống sổ sách.

Công ty nên mở thêm các sổ nhật ký đặc biệt cụ thể là sổ nhật ký thu tiền và nhật ký chi tiền(mở riêng cho thu, chi tiền mặt và thu, chi tiền qua ngân hàng cho từng loại tiền hoặc cho từng ngân hàng) để việc quản lý tiền được chặt chẽ và chính xác hơn, thuận tiện trong việc kiểm tra lượng tiền thu, chi trong kỳ hay muốn kiểm tra theo dõi vào một thời điểm bất kỳ.

Khóa luận tốt nghiệp

Theo nguyên tắc các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào sổ nhật ký chung nhưng với biện pháp này những nghiệp vụ đã được ghi trong sổ nhật ký đặc biệt sẽ không cần ghi vào nhật ký chung nữa mà cuối tháng kế toán sẽ tổng hợp từ nhật ký đặc biệt ghi một lần vào sổ cái.

Sau đây là hai mẫu sổ lên bổ sung:

Đơn vị:.....**Địa chỉ:**.....**Mẫu số: 03a1 – DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm:.....

Ngày Tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK	Ghi có các TK					
	Số hiệu	Ngày tháng							Tài khoản khác	
									Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang trước Chuyển sang							
			Cộng chuyển sang trang sau							

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến số trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký,họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký,họ tên)

Ngày....tháng.....năm.....

Giám đốc
(Ký,họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số: 03a1 -DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm:.....

Ngày Tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK	Ghi nợ các TK					
	Số hiệu	Ngày tháng							Tài khoản khác	
									Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang trước chuyển sang							
			Cộng chuyển sang trang sau							

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến số trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Ngày....tháng.....năm.....
Giám đốc
(Ký,họ tên, đóng dấu)

3.2.2 Hoàn thiện việc hạn chế chi tiêu tiền mặt, tăng chi tiêu tiền gửi NH.

Với xu hướng chung hiện nay là đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, những khoản tiền lớn doanh nghiệp lên thanh toán qua hệ thống Ngân hàng. Bởi lẽ hiện nay hệ thống Ngân hàng rất phát triển trên toàn quốc và quốc tế, không chỉ các Ngân hàng Nhà nước mà hệ thống các Ngân hàng tư nhân cũng ngày càng nhiều với những dịch vụ tiện ích. Với công nghệ hiện đại tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các Ngân hàng diễn ra nhanh chóng và thuận tiện. Hơn nữa thanh toán qua Ngân hàng sẽ đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển hạn chế tiêu cực xảy ra trong quá trình thanh toán như sai sót, gian lận, trộm cắp,...

3.2.3 Hoàn thiện việc đưa tài khoản 113 – tiền đang chuyển vào hạch toán

Hiện nay công ty không sử dụng tài khoản 113 – Tiền đang chuyển để hạch toán. Đây là số tiền của doanh nghiệp trong quá trình sử lý như chuyển tiền đang gửi vào ngân hàng, kho bạc, chuyển trả cho ngân hàng qua đường bưu điện (trong nước hoặc nước ngoài) nhưng chưa nhận được giấy báo có, đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản sao kê của ngân hàng. Thường thì doanh nghiệp không dùng tài khoản này mà chờ nghiệp vụ chuyển tiền hoàn thành rồi hạch toán vì thường tiền chuyển qua ngân hàng sẽ chỉ phải chờ một vài ngày là người thụ hưởng sẽ nhận được tiền. Nhưng nó sẽ ảnh hưởng nếu như rơi vào cuối kỳ kế toán hàng tháng hay năm. Trường hợp cuối tháng lên báo cáo tài chính mà có phát sinh tiền khách hàng đã chuyển (nhưng chưa tới, sẽ nhận được vào ngày đầu tháng sau). Nếu nghiệp vụ này không sử dụng 113 thì số dư công nợ cuối năm trên báo cáo tài chính không chính xác và sẽ gặp khó khăn khi xác nhận số dư công nợ với khách hàng khi có kiểm toán. Vì vậy công ty nên đưa TK này hạch toán vốn bằng tiền để đảm bảo tính chính xác, cập nhật về tiền.

3.2.4 Hoàn thiện việc đưa ngoại tệ vào hạch toán

Nhu cầu sử dụng ngoại tệ trong thanh toán ngày càng tăng, việc đưa các tài khoản vốn bằng tiền là ngoại tệ vào hạch toán là rất cần thiết. Vì vậy theo em doanh nghiệp nên đăng ký sử dụng thêm 02 tài khoản:

- 1112 (Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ)
- 1122 (Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ)

3.2.5 Hoàn thiện việc ứng dụng tin học trong công tác kế toán

Công ty cần trang bị cho phòng kế toán một phần mềm kế toán máy thống nhất nhằm tự động hóa ở mức độ cao nhất công tác hạch toán nói chung và công tác hạch toán vốn bằng tiền, nối mạng thông tin nội bộ để kế toán có thể nắm bắt, trao đổi và kiểm tra hệ thống thông tin khi cần thiết, đồng thời phải tổ chức đào tạo để nâng cao trình độ cho nhân viên kế toán về chương trình kế toán máy nhằm quản lý chính xác được những con số.

Trên thị trường hiện nay, phần mềm kế toán MISA là phần mềm phổ biến nhất được nhiều doanh nghiệp tin tưởng lựa chọn. Trong đó phần mềm em cho là phù hợp với công ty Tuấn Hùng là phần mềm MISA SME.NET 2012.



Phần mềm này giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm chi phí đầu tư, thuận tiện trong sử dụng, trong đó có tính năng sử dụng online, tại mọi địa điểm có kết nối Inetenet, cho doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện, cửa hàng hay địa điểm giao dịch cùng làm việc trên một dữ liệu kế toán duy nhất thông qua Inetenet hoặc mạng dùng riêng với độ an toàn và bảo mật cao MISA SME.NET 2012 có 13 phân hệ nghiệp vụ ngân sách, quỹ tiền mặt, ngân hàng,

Khóa luận tốt nghiệp

mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và tổng hợp.

Sản phẩm này không chỉ dành cho kế toán viên mà còn là công cụ giúp giám sát doanh nghiệp luôn nắm rõ tình hình tài chính doanh nghiệp để ra quyết định đúng và kịp thời.

Trên đây là một số phương hướng hoàn thiện công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng mà em xin mạnh dạn nêu ra. Mong rằng đó sẽ là những phương hướng đem lại hiệu quả cho công ty trong tương lai.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay kế toán với vai trò là công cụ quan trọng để quản lý kinh tế - tài chính ở các doanh nghiệp phải thay đổi cho phù hợp với tình hình mới để giúp cho doanh nghiệp quản lý được tốt hơn mọi mặt hoạt động kinh doanh của mình. Trong đó phải đặc biệt chú trọng đến việc hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền.

Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng, em đã được tìm hiểu thực tế về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Công ty và đặc biệt là phòng tài chính kế toán đã tạo điều kiện để em có thể nghiên cứu, tiếp cận thực tế, bổ sung những kiến thức đã học ở trường từ đó đối chiếu lý luận với thực tiễn, hoàn thành khóa luận: “hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tuấn Hùng”.

Do hạn chế và hiểu biết lý luận và thực tiễn thời gian thực tập có hạn không tránh khỏi những sai sót và hạn chế trong bài luận. vì vậy em rất mong có được sự đóng góp chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể các cô chú trong phòng kế toán và đặc biệt là cô giáo – thạc sỹ Lê Thị Nam Phương đã tạo điều kiện giúp đỡ để em có thể hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2013

Sinh viên

Trần Thị Thanh Xuân